VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 19/2017/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Long

(Tiếp theo Công báo số 601 + 602)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH LONG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2017/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH LONG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Hòa	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°01'04"	105°55'39"					C-48-44-D-d
ấp An Hòa A	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°01'04"	105°56'09"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Hòa B	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°01'15"	105°54'59"					C-48-44-D-d
ấp An Phú	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°00'19"	105°55'21"					C-48-56-B-b
ấp An Phú Tân	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	9°59'29"	105°55'36"					C-48-56-B-b
ấp An Thạnh	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°00'40"	105°55'50"					C-48-44-D-d
ấp An Thạnh A	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°00'10"	105°56'00"					C-48-44-D-d
ấp An Thạnh B	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°00'31"	105°56'42"					C-48-44-D-d
ấp Bình An	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°01'44"	105°56'28"					C-48-44-D-d
ấp Bình Điền	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°01'18"	105°56'58"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ An	DC	xã Bình Minh	H. Tam Bình	9°58'52"	105°55'39"					C-48-56-B-b
Đường tỉnh 904	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-56-B-b
Đường huyện 48	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°00'56"	105°54'33"	10°01'36"	105°57'08"	C-48-56-B-b
chùa Bà Thiên Hậu	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình	9°59'23"	105°56'12"					C-48-56-B-b
chùa Phước Bình	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình	9°59'13"	105°56'03"					C-48-56-B-b
chùa Phước Tứ	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình	10°00'42"	105°56'52"					C-48-44-D-d
Đường huyện An Thạnh - An Hòa	KX	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'09"	105°55'43"	9°59'29"	105°56'12"	C-48-56-B-b
kênh 19 Tháng 5	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°03'16"	105°55'05"	10°01'05"	105°55'55"	C-48-44-D-d
kênh Bờ Đay	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'11"	105°55'52"	10°00'56"	105°54'29"	C-48-44-D-d
kênh Lưu Văn Liệt	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'56"	105°54'10"	10°02'29"	105°56'22"	C-48-44-D-d
kênh Ông Trư	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°00'04"	105°55'28"	9°59'27"	105°56'16"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
Kênh Sáng	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'33"	105°56'44"	10°00'58"	105°56'54"	C-48-44-D-d
kênh Sô Pha	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'48"	105°55'38"	10°01'19"	105°54'21"	C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Tắt	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°01'09"	105°56'15"	10°01'52"	105°56'29"	C-48-44-D-d
Rạch Bướm	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			9°59'27"	105°55'27"	9°59'38"	105°55'47"	C-48-56-B-b
sông An Hòa	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°00'58"	105°56'54"	10°00'50"	105°54'32"	C-48-44-D-d
sông Ba Phố	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°00'58"	105°56'54"	9°59'27"	105°56'16"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
sông Bình Phú	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°03'01"	105°53'53"	10°00'58"	105°56'54"	C-48-44-D-d
sông Măng Thít	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-56-B-b
sông Rạch Lá	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			9°59'46"	105°55'12"	9°58'43"	105°55'31"	C-48-56-B-b
sông Sóc Tro	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			9°59'10"	105°54'36"	9°58'30"	105°55'06"	C-48-44-D-d
sông Vàm Cơi	TV	xã Bình Minh	H. Tam Bình			10°00'52"	105°55'21"	9°59'44"	105°56'17"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
Ấp 3	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'57"	106°00'26"					C-48-44-D-d
Ấp 4	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'31"	105°59'47"					C-48-44-D-d
Ấp 5	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°06'53"	105°59'00"					C-48-44-D-d
Ấp 6	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'03"	105°57'49"					C-48-44-D-b
Ấp 7	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°08'14"	105°58'00"					C-48-44-D-b
ấp Danh Tấm	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'16"	105°59'33"					C-48-44-D-d
ấp Kinh Ngay	DC	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'53"	105°57'52"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 909	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-d; C-48-44-D-b
bia tưởng niệm Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°06'59"	105°57'53"					C-48-44-D-b
chùa Long Hoàng Am Tự	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°06'57"	105°59'22"					C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Phú Hưng	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°06'31"	105°59'37"					C-48-44-D-d
di tích lịch sử văn hóa Bia truyền thống Công an tỉnh Vĩnh Long	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'32"	105°59'39"					C-48-44-D-d
đường Bờ Tràm	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'02"	105°59'44"	10°08'20"	106°01'15"	C-48-44-D-d
đường huyện Hậu Lộc - Hòa Lộc	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°06'13"	106°01'01"	10°07'02"	105°57'52"	C-48-44-D-d
nhà thờ Cai Hóa	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°06'24"	105°59'50"					C-48-44-D-d
tổ đình Minh Đăng Quang	KX	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình	10°07'02"	105°58'06"					C-48-44-D-d
rạch Đất Làng	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'00"	105°58'48"	10°07'59"	105°57'46"	C-48-44-D-b
Rạch Giữa	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'42"	105°58'24"	10°08'47"	105°58'03"	C-48-44-D-b
Rạch Gỗ	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°07'26"	105°58'43"	10°06'49"	105°58'49"	C-48-44-D-d
rạch Hai Cục	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'01"	105°58'22"	10°08'07"	105°57'48"	C-48-44-D-b
rạch Tư Chánh	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'12"	105°58'50"	10°08'19"	105°57'50"	C-48-44-D-b
sông Cai Hóa	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'09"	106°00'34"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
sông Cái Ngang	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°06'47"	105°53'37"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d
sông Danh Tấm	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°08'21"	105°59'23"	10°06'38"	105°59'20"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
sông Giáp Nước	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°09'30"	105°58'16"	10°07'35"	105°57'31"	C-48-44-D-b
sông Kênh Ngay	TV	xã Hậu Lộc	H. Tam Bình			10°07'35"	105°57'31"	10°06'56"	105°57'50"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Ấp 10	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'23"	106°01'17"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 4	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°06'12"	106°02'54"					C-48-45-C-c
Ấp 6	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'21"	106°02'53"					C-48-45-C-c
Ấp 7	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'05"	106°02'30"					C-48-45-C-c
Ấp 8	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'30"	106°01'41"					C-48-45-C-c
Ấp 9	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°06'12"	106°01'26"					C-48-45-C-c
ấp Hòa Phong	DC	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°06'48"	106°01'33"					C-48-45-C-c
Đường tỉnh 904	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-45-C-c
di tích Trận đánh 6 ngày đêm	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'46"	106°01'38"					C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Hiệp - Hòa Lộc	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'48"	106°00'50"	10°05'07"	106°01'18"	C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Hiệp - Hòa Thạnh	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°06'28"	106°04'31"	10°04'46"	106°01'04"	C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Hiệp - Tường Lộc	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'32"	106°00'52"	10°03'06"	105°59'57"	C-48-45-C-c; C-48-44-D-d
Khu mộ Thân sinh Trần Đại Nghĩa	KX	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình	10°05'41"	106°03'22"					C-48-45-C-c
ngọn Bà Tư	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'20"	106°02'18"	10°05'34"	106°01'31"	C-48-45-C-c
ngọn Bờ Dầu	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°06'22"	106°01'57"	10°05'34"	106°01'31"	C-48-45-C-c
Rạch Đình	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'57"	106°02'28"	10°05'26"	106°03'03"	C-48-45-C-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°06'15"	106°01'26"	10°06'45"	106°01'34"	C-48-45-C-c
Rạch Lò	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'29"	106°02'21"	10°04'57"	106°02'50"	C-48-45-C-c
Rạch Lớn	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°05'46"	106°02'38"	10°05'04"	106°02'54"	C-48-45-C-c
sông Ba Kè	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°06'20"	105°59'51"	10°04'41"	106°01'10"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Cui	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°07'11"	106°01'43"	10°05'55"	106°01'15"	C-48-45-C-c
sông Măng Thít	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-c
sông Ông Cớ	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°07'29"	106°01'08"	10°05'55"	106°04'07"	C-48-45-C-c
sông Ông Đệ	TV	xã Hòa Hiệp	H. Tam Bình			10°06'55"	106°02'08"	10°05'11"	106°01'35"	C-48-45-C-c
Ấp 2	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'52"	106°00'44"					C-48-45-C-c
Ấp 7	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'36"	106°00'13"					C-48-45-C-c
ấp Cái Cui	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'36"	106°00'43"					C-48-45-C-c
ấp Hòa An	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°07'24"	106°01'03"					C-48-45-C-c
ấp Hòa Thuận	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°07'00"	106°00'09"					C-48-45-C-c
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'23"	105°59'29"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 904	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
cầu Ba Kè	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'07"	106°00'05"					C-48-45-C-c
cầu Cả Chát	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'10"	106°00'02"					C-48-45-C-c
cầu Cái Sơn Bé	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°04'37"	105°59'45"					C-48-44-D-d
đường Bờ Tràm	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°08'02"	105°59'44"	10°08'20"	106°01'15"	C-48-44-D-d
Đường huyện Cái Ngang	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'58"	105°53'47"	10°04'56"	105°59'49"	C-48-44-D-d
Đường huyện Hậu Lộc - Hòa Lộc	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'13"	106°01'01"	10°07'02"	105°57'52"	C-48-44-D-d
Đường huyện Hòa Hiệp - Hòa Lộc	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°05'48"	106°00'50"	10°05'07"	106°01'18"	C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Hiệp - Tường Lộc	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°05'32"	106°00'52"	10°03'06"	105°59'57"	C-48-45-C-c; C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Ba Kè	KX	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình	10°05'12"	106°00'23"					C-48-45-C-c
rạch Ba Hòa	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'27"	106°00'27"	10°06'32"	105°59'54"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Cả Chát	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°05'47"	105°59'00"	10°05'10"	106°00'05"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Cây Chôm	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°07'46"	106°00'36"	10°06'50"	105°59'58"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c; C-48-45-C-a
rạch Liên Lạc	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'43"	106°00'41"	10°06'30"	106°00'56"	C-48-45-C-c
rạch Ngã Hàng	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°05'01"	106°00'08"	10°03'38"	105°59'27"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Ông Câu	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'43"	106°00'41"	10°06'43"	105°59'58"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Ba Kè	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'20"	105°59'51"	10°04'41"	106°01'10"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Cai Hóa	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°08'09"	106°00'34"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c; C-48-45-C-a
sông Cái Ngang	TV	xã Hòa Lộc	H. Tam Bình			10°06'47"	105°53'37"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
Ấp 1	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°08'18"	106°01'24"					C-48-45-C-a
Ấp 2	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'00"	106°03'19"					C-48-45-C-c
Ấp 3	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°06'15"	106°03'47"					C-48-45-C-c
Ấp 5	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°05'39"	106°03'45"					C-48-45-C-c
ấp Thạnh An	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'59"	106°02'16"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°06'20"	106°03'14"					C-48-45-C-c
ấp Thạnh Trí	DC	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'12"	106°03'07"					C-48-45-C-c
Quốc lộ 53	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
Đường tỉnh 904	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
cầu Măng Thít	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°06'23"	106°04'39"					C-48-45-C-c
cầu Phó Mùi	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°08'48"	106°01'52"					C-48-45-C-a
chùa Bảo Nguyên	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'46"	106°02'20"					C-48-45-C-a
chùa Giác Long	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'23"	106°02'28"					C-48-45-C-c
chùa Long Hòa	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°07'11"	106°03'17"					C-48-45-C-c
chùa Phước Hưng	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình	10°06'41"	106°03'33"					C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Hiệp - Hòa Thạnh	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°06'28"	106°04'31"	10°04'46"	106°01'04"	C-48-45-C-c
Đường huyện Hòa Thạnh	KX	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°07'56"	106°02'54"	10°06'56"	106°02'09"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
rạch Cầu Bưng	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°07'44"	106°02'06"	10°07'14"	106°01'38"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
rạch Diều Gà	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°06'52"	106°03'40"	10°06'24"	106°03'24"	C-48-45-C-c
rạch Ông Tám	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°08'24"	106°01'16"	10°08'51"	106°01'48"	C-48-45-C-a
sông Măng Thít	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-c
sông Ông Cớ	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°07'29"	106°01'08"	10°05'55"	106°04'07"	C-48-45-C-c
sông Ông Nam	TV	xã Hòa Thạnh	H. Tam Bình			10°08'48"	106°01'52"	10°05'59"	106°04'12"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Hòa	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°03'18"	105°55'26"					C-48-44-D-d
ấp Bình Phú	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°03'11"	105°54'50"					C-48-44-D-d
ấp Cần Súc	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'41"	105°57'07"					C-48-56-B-b
ấp Đại Nghĩa	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°00'29"	105°57'39"					C-48-44-D-d
ấp Đại Thọ	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°00'04"	105°56'34"					C-48-44-D-d
Ấp Giữa	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'58"	105°57'18"					C-48-44-D-d
ấp Kỳ Son	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'34"	105°57'30"					C-48-44-D-d
ấp Sóc Rừng	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°00'59"	105°57'36"					C-48-44-D-d
ấp Tân Nguyên	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'28"	105°58'47"					C-48-44-D-d
ấp Thông Nguyên	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'20"	105°58'33"					C-48-44-D-d
ấp Tổng Hưng	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°02'29"	105°56'45"					C-48-44-D-d
ấp Tổng Hưng B	DC	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°02'58"	105°55'57"					C-48-44-D-d
Đường huyện 48	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°00'56"	105°54'33"	10°01'36"	105°57'08"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 904	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
Đường tỉnh 909	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-d; C-48-44-D-b
Đường huyện 904	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°01'33"	105°57'14"	10°00'14"	105°57'20"	C-48-44-D-d
cầu Lò Vôi	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'32"	105°58'53"					C-48-44-D-d
chùa Đại Thọ	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°00'12"	105°56'38"					C-48-44-D-d
chùa Phước Lâm	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'27"	105°57'02"					C-48-44-D-d
chùa Phước Nghiêm	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°00'17"	105°56'40"					C-48-44-D-d
di tích lịch sử văn hóa Chùa Kỳ Son	KX	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình	10°01'15"	105°57'19"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 19 Tháng 5	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°03'16"	105°55'05"	10°01'05"	105°55'55"	C-48-44-D-d
kênh Ấp Giữa	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°02'44"	105°57'36"	10°02'00"	105°57'23"	C-48-44-D-d
kênh Bà Cai	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°02'50"	105°55'15"	10°02'35"	105°54'00"	C-48-44-D-d
kênh Loan Mỹ	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°01'56"	105°57'14"	10°01'29"	105°58'58"	C-48-44-D-d
kênh Lưu Văn Liệt	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°01'56"	105°54'10"	10°02'29"	105°56'22"	C-48-44-D-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°04'05"	105°55'57"	10°03'27"	105°55'51"	C-48-44-D-d
sông Ba Phố	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°00'58"	105°56'54"	9°59'27"	105°56'16"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
sông Bình Phú	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			10°03'01"	105°53'53"	10°00'58"	105°56'54"	C-48-44-D-d
sông Măng Thít	TV	xã Loan Mỹ	H. Tam Bình			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
ấp 6B	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'56"	105°55'15"					C-48-44-D-d
ấp Phú Sơn	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'20"	105°54'29"					C-48-44-D-d
ấp Phú Sơn A	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°05'25"	105°54'34"					C-48-44-D-d
ấp Phú Sơn B	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'23"	105°54'37"					C-48-44-D-d
ấp Phú Sơn C	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'01"	105°55'47"					C-48-44-D-d
ấp Phú Thạnh	DC	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°03'59"	105°53'30"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 905	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'26"	10°02'48"	105°59'09"	C-48-44-D-d
đường 26 Tháng 3	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình			9°58'42"	105°55'13"	10°04'39"	105°54'48"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
cầu Cái Sơn	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'43"	105°54'44"					C-48-44-D-d
cầu Chồi Mồi	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'07"	105°55'58"					C-48-44-D-d
cầu Lô Mười	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'24"	105°55'20"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rạch Rừng	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°05'04"	105°54'01"					C-48-44-D-d
chùa Phước Hưng	KX	xã Long Phú	H. Tam Bình	10°04'58"	105°54'32"					C-48-44-D-d
kênh Chồi Mồi	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°05'41"	105°56'31"	10°04'05"	105°55'57"	C-48-44-D-d
kênh Lô 10	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°05'17"	105°54'59"	10°04'23"	105°55'20"	C-48-44-D-d
kênh Miễu Đôi	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°05'02"	105°54'01"	10°04'24"	105°53'12"	C-48-44-D-d
kênh Nhà Ngói	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°04'34"	105°55'25"	10°04'33"	105°56'10"	C-48-44-D-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°04'05"	105°55'57"	10°03'27"	105°55'51"	C-48-44-D-d
Kênh Xáng	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°05'31"	105°53'04"	10°02'39"	105°59'20"	C-48-44-D-d
rạch Cồng Cộc	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°04'24"	105°53'12"	10°03'29"	105°53'44"	C-48-44-D-d
sông Cái Sơn	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°03'08"	105°53'51"	10°06'14"	105°55'22"	C-48-44-D-d
Sông Lô	TV	xã Long Phú	H. Tam Bình			10°04'59"	105°54'09"	10°05'17"	105°54'59"	C-48-44-D-d
Ấp 10	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°05'41"	105°57'08"					C-48-44-D-d
Ấp 11	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°05'34"	105°56'34"					C-48-44-D-d
ấp 6A	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°05'19"	105°56'31"					C-48-44-D-d
Ấp 8	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°06'47"	105°58'07"					C-48-44-D-d
Ấp 9	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°05'44"	105°57'46"					C-48-44-D-d
ấp Cái Sơn	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°06'00"	105°55'39"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°06'43"	105°57'51"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°05'30"	105°57'54"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 909	KX	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-d
chùa Vĩnh An	KX	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình	10°06'49"	105°57'47"					C-48-44-D-d
Đường huyện Cái Ngang	KX	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°06'58"	105°53'47"	10°04'56"	105°59'49"	C-48-44-D-d
kênh Cây Sao	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°04'35"	105°57'57"	C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chồi Mồi	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°05'41"	105°56'31"	10°04'05"	105°55'57"	C-48-44-D-d
kênh Lô 10	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°05'17"	105°54'59"	10°04'23"	105°55'20"	C-48-44-D-d
kênh Ngã Ngây	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°04'43"	105°58'29"	10°04'42"	105°57'20"	C-48-44-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°04'49"	105°57'56"	10°05'38"	105°57'52"	C-48-44-D-d
kênh Rạch Ranh	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°05'54"	105°57'01"	C-48-44-D-d
rạch Cả Chát	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°05'47"	105°59'00"	10°05'10"	106°00'05"	C-48-44-D-d
rạch Cái Lá	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°05'18"	105°58'28"	10°05'35"	105°58'13"	C-48-44-D-d
Rạch Gỗ	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°05'57"	105°58'13"	10°06'02"	105°58'43"	C-48-44-D-d
rạch Lung Chuối	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°03'48"	105°56'50"	C-48-44-D-d
sông Cái Ngang	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°06'47"	105°53'37"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d
sông Cái Sơn	TV	xã Mỹ Lộc	H. Tam Bình			10°03'08"	105°53'51"	10°06'14"	105°55'22"	C-48-44-D-d
ấp Bằng Tăng	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'15"	105°57'29"					C-48-44-D-d
ấp Cây Bàng	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°04'52"	105°58'16"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°04'46"	105°58'39"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú 2	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'19"	105°58'52"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú 3	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'36"	105°56'50"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú 4	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°02'39"	105°58'22"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú Tân	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'56"	105°56'10"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Quới	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°04'19"	105°59'45"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Thành	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'45"	105°58'15"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Trung 1	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'50"	105°59'30"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Trung 2	DC	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'32"	105°58'54"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 904	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 905	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'26"	10°02'48"	105°59'09"	C-48-44-D-d
Đường tỉnh 909	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-d
cầu Bằng Tăng Cũ	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'29"	105°59'15"					C-48-44-D-d
cầu Bằng Tăng Mới	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'09"	105°57'54"					C-48-44-D-d
cầu Cái Sơn Bé	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°04'37"	105°59'45"					C-48-44-D-d
cầu Cái Sơn Lớn	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'55"	105°59'29"					C-48-44-D-d
cầu Chồi Mồi	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°04'07"	105°55'58"					C-48-44-D-d
cầu Lung Chuối	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'42"	105°56'48"					C-48-44-D-d
cầu Võ Tuấn Đức	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'36"	105°59'26"					C-48-44-D-d
Đường huyện Cái Ngang	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°06'58"	105°53'47"	10°04'56"	105°59'49"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
đường Võ Tuấn Đức	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°03'02"	106°00'00"	10°03'39"	105°59'20"	C-48-44-D-d
tịnh xá Hưng Thanh Tự	KX	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình	10°03'39"	105°59'26"					C-48-44-D-d
kênh 19 Tháng 5	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°03'48"	105°56'50"	C-48-44-D-d
kênh Bảy Kiểu	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°03'31"	105°58'17"	10°04'16"	105°58'02"	C-48-44-D-d
kênh Cây Sao	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°04'35"	105°57'57"	C-48-44-D-d
kênh Cây Sộp	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'33"	105°58'24"	10°04'24"	105°57'22"	C-48-44-D-d
kênh Chiến Sĩ	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'19"	105°57'58"	10°04'16"	105°57'19"	C-48-44-D-d
kênh Chồi Mồi	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°05'41"	105°56'31"	10°04'05"	105°55'57"	C-48-44-D-d
kênh Đìa Thùng	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'43"	105°58'29"	10°04'08"	105°57'16"	C-48-44-D-d
kênh Ngã Ngây	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'43"	105°58'29"	10°04'42"	105°57'20"	C-48-44-D-d
kênh Ngã Ngây	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'43"	105°58'29"	10°04'42"	105°57'20"	C-48-44-D-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'05"	105°55'57"	10°03'27"	105°55'51"	C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Xáng	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°05'31"	105°53'04"	10°02'39"	105°59'20"	C-48-44-D-d
rạch Cái Sơn Lớn	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°03'51"	105°59'36"	10°04'43"	105°58'29"	C-48-44-D-d
rạch Lung Chuối	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°04'31"	105°57'24"	10°03'48"	105°56'50"	C-48-44-D-d
rạch Ngã Hàng	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°05'01"	106°00'08"	10°03'38"	105°59'27"	C-48-44-D-d
rạch Ông Sĩ	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°03'44"	105°58'59"	10°03'44"	105°59'30"	C-48-44-D-d
rạch Pa Try O	TV	xã Mỹ Thạnh Trung	H. Tam Bình			10°03'38"	105°59'27"	10°02'05"	105°59'22"	C-48-44-D-d
ấp An Phong	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°01'13"	105°54'19"					C-48-44-D-d
ấp An Thới	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°58'45"	105°54'57"					C-48-56-B-b
ấp Bình Ninh	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°02'55"	105°53'46"					C-48-44-D-d
ấp Bình Quý	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°02'03"	105°54'00"					C-48-44-D-d
ấp Đông Hậu	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°58'33"	105°54'26"					C-48-56-B-b
ấp Đông Phú	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°59'25"	105°53'26"					C-48-56-B-b
ấp Đông Thạnh	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°59'04"	105°54'27"					C-48-56-B-b
ấp Ngã Cái	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°00'47"	105°54'41"					C-48-44-D-d
Ấp Nhất	DC	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°00'41"	105°54'33"					C-48-44-D-d
Quốc lộ 54	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°09'27"	105°41'34"	9°56'48"	106°03'39"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 904	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 909	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-d; C-48-44-D-b
Đường huyện 48	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'56"	105°54'33"	10°01'36"	105°57'08"	C-48-56-B-b
đường 26 Tháng 3	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			9°58'42"	105°55'13"	10°04'39"	105°54'48"	C-48-44-D-d
cầu An Hòa	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°00'52"	105°54'35"					C-48-44-D-d
cầu Bình Phú	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°03'01"	105°53'59"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giáo Mẹo	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°01'48"	105°53'31"					C-48-44-D-d
cầu Ngãi Tứ	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	10°02'17"	105°54'05"					C-48-44-D-d
chùa Bảo Ân	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°59'19"	105°53'24"					C-48-56-B-b
chùa Phật Tánh	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°58'28"	105°54'35"					C-48-56-B-b
chùa Phước Huệ	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°59'23"	105°53'15"					C-48-56-B-b
di tích lịch sử Chùa Phước Hậu	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°58'17"	105°54'43"					C-48-56-B-b
đình Đông Hậu	KX	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình	9°59'31"	105°52'59"					C-48-56-B-b
kênh Bà Cai	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°02'50"	105°55'15"	10°02'35"	105°54'00"	C-48-44-D-d
kênh Bờ Đay	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°01'11"	105°55'52"	10°00'56"	105°54'29"	C-48-44-D-d
kênh Giáo Mẹo	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°04'49"	105°51'09"	10°01'22"	105°54'19"	C-48-44-D-d
kênh Lưu Văn Liệt	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°01'56"	105°54'10"	10°02'29"	105°56'22"	C-48-44-D-d
kênh Mười Huỳnh	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°02'29"	105°53'26"	10°02'35"	105°54'00"	C-48-44-D-d
kênh Mương Ranh	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°02'50"	105°55'15"	10°02'31"	105°54'01"	C-48-44-D-d
kênh Nông Dân	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°01'00"	105°53'42"	10°01'09"	105°54'24"	C-48-44-D-d
kênh Sô Pha	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°01'48"	105°55'38"	10°01'19"	105°54'21"	C-48-44-D-d
kênh Thầy Thùng	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°02'35"	105°53'25"	10°02'42"	105°53'58"	C-48-44-D-d
rạch Đình Bến Xe	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'21"	105°53'31"	9°59'27"	105°52'57"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
rạch Hai Ký	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			9°59'07"	105°53'25"	9°59'06"	105°53'18"	C-48-56-B-b
rạch Năm Mậu	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			9°59'20"	105°53'13"	9°59'09"	105°52'51"	C-48-56-B-b
rạch Tám Đông	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°01'03"	105°54'10"	10°01'03"	105°54'26"	C-48-44-D-d
sông An Hòa	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'58"	105°56'54"	10°00'50"	105°54'32"	C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bình Phú	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°03'01"	105°53'53"	10°00'58"	105°56'54"	C-48-44-D-d
sông Cái Sơn	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°03'08"	105°53'51"	10°06'14"	105°55'22"	C-48-44-D-d
sông Đông Thạnh	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'47"	105°54'17"	9°59'10"	105°54'36"	C-48-44-D-c; C-48-44-D-d
sông Đông Thạnh	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'47"	105°54'17"	9°59'10"	105°54'36"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-b
sông Ngã Tắc	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°00'47"	105°54'17"	10°00'50"	105°54'32"	C-48-44-D-d
sông Ngãi Tứ	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°03'29"	105°53'44"	9°59'10"	105°54'36"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
sông Rạch Lá	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			9°59'46"	105°55'12"	9°58'43"	105°55'31"	C-48-56-B-b
sông Sóc Tro	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			9°59'10"	105°54'36"	9°58'30"	105°55'06"	C-48-56-B-b
sông Trà Ôn	TV	xã Ngãi Tứ	H. Tam Bình			10°03'54"	105°49'16"	9°58'01"	105°54'58"	C-48-56-B-b
ấp 3A	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°07'04"	105°57'40"					C-48-44-D-d
ấp 3B	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°08'13"	105°56'34"					C-48-44-D-b
Ấp 4	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°06'48"	105°57'15"					C-48-44-D-d
Ấp 5	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°05'50"	105°56'32"					C-48-44-D-d
ấp Cây Điều	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°06'03"	105°57'03"					C-48-44-D-d
ấp Long Công	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°07'01"	105°57'25"					C-48-44-D-d
ấp Lung Đồng	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°08'25"	105°56'36"					C-48-44-D-d
ấp Phú Tân	DC	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°07'52"	105°55'41"					C-48-44-D-b
cầu Long Công	KX	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°06'45"	105°57'33"					C-48-44-D-d
chùa Phước Lâm	KX	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°06'10"	105°56'06"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện Cái Ngang	KX	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°06'58"	105°53'47"	10°04'56"	105°59'49"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Đường huyện Phú Lộc - Bầu Gốc	KX	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°06'57"	105°57'42"	10°08'57"	105°55'14"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Khu di tích cách mạng Cái Ngang	KX	xã Phú Lộc	H. Tam Bình	10°06'29"	105°57'18"					C-48-44-D-d
rạch Đìa Đá	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°08'35"	105°56'30"	10°08'43"	105°56'04"	C-48-44-D-b
rạch Long Công	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°07'13"	105°56'04"	10°06'43"	105°57'42"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
rạch Ngã Bát	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°07'17"	105°57'19"	10°06'48"	105°57'29"	C-48-44-D-b
rạch Ngã Cạy	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°09'26"	105°56'59"	10°07'35"	105°57'31"	C-48-44-D-b
rạch Xẻo Bứa	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°07'44"	105°57'13"	10°06'27"	105°55'06"	C-48-44-D-d
sông Cái Ngang	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°06'47"	105°53'37"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d
sông Kênh Ngay	TV	xã Phú Lộc	H. Tam Bình			10°07'35"	105°57'31"	10°06'56"	105°57'50"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
ấp Phú An	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°08'30"	105°55'02"					C-48-44-D-b
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°08'59"	105°53'04"					C-48-44-D-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°08'16"	105°53'04"					C-48-44-D-b
ấp Phú Hưng	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°06'30"	105°53'04"					C-48-44-D-d
ấp Phú Hữu Đông	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°08'47"	105°53'00"					C-48-44-D-d
ấp Phú Hữu Tây	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°06'25"	105°52'44"					C-48-44-D-d
ấp Phú Tân	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°08'21"	105°54'29"					C-48-44-D-d
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°07'21"	105°53'20"					C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°16'42"	105°54'30"	10°02'05"	105°48'34"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Đường tỉnh 908	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°08'41"	105°55'08"	10°08'55"	105°42'22"	C-48-44-D-d
cầu Ba Càng	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°06'53"	105°53'38"					C-48-44-D-d
cầu Mù U	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°06'24"	105°53'04"					C-48-44-D-d
cầu Phú An	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°07'52"	105°54'50"					C-48-44-D-b
chùa Linh Phước	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình	10°06'33"	105°52'20"					C-48-44-D-b
Đường huyện Phú Thịnh	KX	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'25"	10°09'01"	105°52'53"	C-48-44-D-a
kênh Cườm Nga	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°09'25"	105°51'56"	10°09'20"	105°52'07"	C-48-44-D-a
kênh Đập Lớn	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°09'02"	105°54'09"	10°08'58"	105°52'54"	C-48-44-D-b
kênh Di Cư	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°07'52"	105°54'50"	10°08'04"	105°54'24"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Kênh Mới	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°09'20"	105°51'44"	10°05'43"	105°49'12"	C-48-44-D-a; C-48-44-D-c
kênh Ông Cả	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°07'44"	105°52'30"	10°07'46"	105°53'17"	C-48-44-D-a; C-48-44-D-b
kênh Thầy Tư Kế	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°08'30"	105°52'18"	10°08'48"	105°53'01"	C-48-44-D-a; C-48-44-D-b
rạch Ông Kế	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°08'14"	105°51'37"	10°08'20"	105°53'00"	C-48-44-D-a; C-48-44-D-b
sông Ba Càng	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°09'03"	105°52'54"	10°06'47"	105°53'37"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
sông Mù U	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°06'43"	105°52'35"	10°06'47"	105°53'37"	C-48-44-D-d
sông Phú An	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°08'51"	105°54'41"	10°07'55"	105°54'21"	C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Pô Kê	TV	xã Phú Thịnh	H. Tam Bình			10°07'55"	105°54'21"	10°06'55"	105°53'38"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
ấp Phú Điền	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'20"	105°55'31"					C-48-44-D-d
ấp Phú Hòa Yên	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'27"	105°53'10"					C-48-44-D-d
ấp Phú Hữu Yên	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'16"	105°55'13"					C-48-44-D-d
ấp Phú Lợi	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°07'51"	105°54'50"					C-48-44-D-d
ấp Phú Ninh	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'59"	105°54'00"					C-48-44-D-d
ấp Phú Trường	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'46"	105°53'32"					C-48-44-D-d
ấp Phú Trường Yên	DC	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'31"	105°53'34"					C-48-44-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°16'42"	105°54'30"	10°02'05"	105°48'34"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Đường tỉnh 905	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'26"	10°02'48"	105°59'09"	C-48-44-D-d
cầu Ba Càng	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'53"	105°53'38"					C-48-44-D-d
cầu Mù U	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'24"	105°53'04"					C-48-44-D-d
cầu Phú An	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°07'52"	105°54'50"					C-48-44-D-b
Cầu Sập	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'40"	105°53'34"					C-48-44-D-d
cầu Thủ Cù	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'30"	105°55'12"					C-48-44-D-d
chùa Bà Phú Trường Yên	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'46"	105°53'38"					C-48-44-D-d
chùa Kim Quang Tự	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'36"	105°53'34"					C-48-44-D-d
chùa Phú Hưng Tự	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'57"	105°53'47"					C-48-44-D-d
chùa Tế Sanh Phật Đường	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'51"	105°53'41"					C-48-44-D-d
chùa Vĩnh Trường	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'52"	105°54'00"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện Cái Ngang	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°06'58"	105°53'47"	10°04'56"	105°59'49"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
nhà thờ Song Phú	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'44"	105°53'26"					C-48-44-D-d
nhà thờ Tin lành Song Phú	KX	xã Song Phú	H. Tam Bình	10°06'53"	105°53'43"					C-48-44-D-d
kênh Cây Gáo	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°05'55"	105°53'56"	10°06'50"	105°53'46"	C-48-44-D-d
kênh Thủ Cù	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°07'52"	105°54'50"	10°07'10"	105°55'29"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
rạch Ba Xe	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°06'52"	105°54'19"	10°07'47"	105°54'47"	C-48-44-D-d
rạch Ông Khánh	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°07'08"	105°55'28"	10°06'14"	105°55'22"	C-48-44-D-d
Rạch Rừng	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°05'58"	105°54'01"	10°06'39"	105°54'17"	C-48-44-D-d
rạch Xẻo Bứa	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°07'44"	105°57'13"	10°06'27"	105°55'06"	C-48-44-D-d
sông Ba Càng	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°09'03"	105°52'54"	10°06'47"	105°53'37"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
sông Cái Ngang	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°06'47"	105°53'37"	10°06'20"	105°59'51"	C-48-44-D-d
sông Cái Sơn	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°03'08"	105°53'51"	10°06'14"	105°55'22"	C-48-44-D-d
sông Mù U	TV	xã Song Phú	H. Tam Bình			10°06'43"	105°52'35"	10°06'47"	105°53'37"	C-48-44-D-d
Ấp 1	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°09'02"	105°57'58"					C-48-44-D-d
Ấp 2	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°08'30"	105°57'39"					C-48-44-D-d
Ấp 8	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°08'59"	105°58'16"					C-48-44-D-d
Ấp 9	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°08'36"	105°59'22"					C-48-44-D-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°08'29"	105°59'14"					C-48-44-D-b
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°09'21"	105°57'29"					C-48-44-D-d
Đường tỉnh 909	KX	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°14'33"	106°02'47"	9°59'41"	105°52'54"	C-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bờ Tràm	KX	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°08'02"	105°59'44"	10°08'20"	106°01'15"	C-48-44-D-d
Đường huyện Tân Lộc - Hòa Phú	KX	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'01"	105°58'12"	10°09'24"	105°56'59"	C-48-44-D-b
nhà thờ Ngã Cạy	KX	xã Tân Lộc	H. Tam Bình	10°07'49"	105°57'06"					C-48-44-D-b
kênh Quan Vệ	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'30"	105°58'16"	10°08'21"	105°59'23"	C-48-44-D-b
Rạch Giữa	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°08'42"	105°58'24"	10°08'47"	105°58'03"	C-48-44-D-b
rạch Ngã Cạy	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'26"	105°56'59"	10°07'35"	105°57'31"	C-48-44-D-b
rạch San Bửu	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°10'29"	105°57'25"	10°09'26"	105°56'59"	C-48-44-D-b
rạch Thông Quận	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'01"	105°57'13"	10°08'27"	105°57'32"	C-48-44-D-b
rạch Vàm Gừa	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'15"	105°57'42"	10°08'47"	105°58'03"	C-48-44-D-b
sông Danh Tấm	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°08'21"	105°59'23"	10°06'38"	105°59'20"	C-48-44-D-b
sông Giáp Nước	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'30"	105°58'16"	10°07'35"	105°57'31"	C-48-44-D-b
sông Giáp Nước	TV	xã Tân Lộc	H. Tam Bình			10°09'30"	105°58'16"	10°07'35"	105°57'31"	C-48-44-D-b
ấp Phú Long	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°04'02"	105°52'19"					C-48-44-D-c
ấp Phú Mỹ	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'20"	105°51'56"					C-48-44-D-c
ấp Phú Nghĩa	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'55"	105°52'38"					C-48-44-D-d
ấp Phú Thành	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°04'59"	105°51'43"					C-48-44-D-c
ấp Phú Thọ	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'56"	105°53'04"					C-48-44-D-d
ấp Phú Yên	DC	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°04'51"	105°52'36"					C-48-44-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°16'42"	105°54'30"	10°02'05"	105°48'34"	C-48-44-D-b; C-48-44-D-d
Đường tỉnh 905	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'26"	10°02'48"	105°59'09"	C-48-44-D-d
cầu Mù U	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°06'24"	105°53'04"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rạch Múc	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'08"	105°51'49"					C-48-44-D-c
cầu Rạch Rừng	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'04"	105°54'01"					C-48-44-D-d
đình thần Phú Mỹ	KX	xã Tân Phú	H. Tam Bình	10°05'09"	105°51'48"					C-48-44-D-c
kênh Cống Ranh	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°03'14"	105°52'05"	10°04'56"	105°51'28"	C-48-44-D-c
kênh Miễu Đôi	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°05'02"	105°54'01"	10°04'24"	105°53'12"	C-48-44-D-d
kênh Phú Long	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°04'31"	105°52'31"	10°03'14"	105°52'05"	C-48-44-D-c; C-48-44-D-d
kênh Phú Yên	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°04'31"	105°52'31"	10°06'22"	105°53'08"	C-48-44-D-d
kênh Việt Sạn	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°04'43"	105°51'59"	10°05'05"	105°51'54"	C-48-44-D-c
Kênh Xáng	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°05'31"	105°53'04"	10°02'39"	105°59'20"	C-48-44-D-d
rạch Đường Châu	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°05'02"	105°52'56"	10°03'29"	105°53'44"	C-48-44-D-d
sông Chà Và Lớn	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°05'31"	105°53'04"	10°04'13"	105°49'30"	C-48-44-D-c; C-48-44-D-d
sông Mù U	TV	xã Tân Phú	H. Tam Bình			10°06'43"	105°52'35"	10°06'47"	105°53'37"	C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú 1	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°02'53"	105°59'16"					C-48-44-D-d
ấp Mỹ Phú 5	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°02'16"	105°59'13"					C-48-44-D-d
ấp Nhà Thờ	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'00"	106°00'21"					C-48-45-C-c
ấp Tường Lễ	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'46"	105°59'39"					C-48-44-D-d
ấp Tường Nhơn	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°04'48"	106°00'47"					C-48-44-D-d
ấp Tường Nhơn A	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°04'13"	105°59'58"					C-48-45-C-c
ấp Tường Nhơn B	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'47"	106°00'27"					C-48-45-C-c
ấp Tường Trí	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°02'14"	105°59'40"					C-48-44-D-d
ấp Tường Trí B	DC	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°01'36"	105°59'15"					C-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 904	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 905	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°06'45"	105°53'26"	10°02'48"	105°59'09"	C-48-44-D-d
cầu 3 Tháng 2	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'06"	105°59'57"					C-48-44-D-d
cầu Bằng Tăng Cũ	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'29"	105°59'15"					C-48-44-D-d
cầu Lò Vôi	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°01'32"	105°58'53"					C-48-44-D-d
cầu Ông Đốc	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°02'39"	105°59'07"					C-48-44-D-d
chùa Bửu Quang	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°04'04"	106°00'02"					C-48-44-D-d
chùa Cao đài Tiên Thiên	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'06"	106°00'02"					C-48-44-D-d
chùa Phước Linh	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°04'57"	106°00'09"					C-48-45-C-c
chùa Phước Sơn	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'18"	105°59'20"					C-48-44-D-d
chùa Thành Hoa Tự	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'23"	106°00'29"					C-48-44-D-d
bến đò ngang Rạch Sa Rày	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°01'14"	105°59'11"					C-48-44-D-d
đường huyện Hòa Hiệp - Tường Lộc	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°05'32"	106°00'52"	10°03'06"	105°59'57"	C-48-45-C-c; C-48-44-D-d
Khu tưởng niệm Giáo sư - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'05"	105°59'09"					C-48-44-D-d
Miếu Quan Tiền Hiền Phan Công An	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'16"	105°59'20"					C-48-44-D-d
nhà thờ Thiên Chúa	KX	xã Tường Lộc	H. Tam Bình	10°03'01"	106°00'14"					C-48-44-D-d
Kênh Xáng	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°05'31"	105°53'04"	10°02'39"	105°59'20"	C-48-44-D-d
rạch Bà Phủ	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°04'27"	106°00'33"	10°04'47"	106°00'58"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ngã Hàng	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°05'01"	106°00'08"	10°03'38"	105°59'27"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Nhà Thờ	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°03'31"	106°00'31"	10°03'03"	106°00'02"	C-48-45-C-c
rạch Pa Try O	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°03'38"	105°59'27"	10°02'05"	105°59'22"	C-48-44-D-d
Rạch Sấu	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°04'01"	105°59'50"	10°03'34"	106°00'23"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Ba Kè	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°06'20"	105°59'51"	10°04'41"	106°01'10"	C-48-45-C-c
sông Hòa Bình	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°00'59"	106°03'53"	10°03'36"	106°00'25"	C-48-45-C-c
sông Măng Thít	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Sa Co	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°02'06"	106°01'05"	10°01'16"	105°59'11"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Trà Ngoa	TV	xã Tường Lộc	H. Tam Bình			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
Khu 1	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'57"	105°55'01"					C-48-56-B-b
Khu 10	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'11"	105°55'09"					C-48-56-B-b
Khu 10A	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'38"	105°55'24"					C-48-56-B-b
Khu 10B	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'22"	105°54'58"					C-48-56-B-b
Khu 2	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'56"	105°55'05"					C-48-56-B-b
Khu 3	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'58"	105°55'14"					C-48-56-B-b
Khu 4	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'53"	105°55'13"					C-48-56-B-b
Khu 5	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'02"	105°55'17"					C-48-56-B-b
Khu 6	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°55'35"					C-48-56-B-b
Khu 7	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'17"	105°55'30"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 8	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'23"	105°55'11"					C-48-56-B-b
Khu 9	DC	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'06"	105°55'07"					C-48-56-B-b
Quốc lộ 54	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			10°09'27"	105°41'34"	9°56'48"	106°03'39"	C-48-56-B-b
Đường huyện 70	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°57'48"	105°55'10"	9°54'56"	105°58'35"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 904	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			10°09'10"	106°01'25"	9°58'11"	105°54'52"	C-48-56-B-b
bến phà Cái Côn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'03"	105°54'59"					C-48-56-B-b
bến tàu Cần Thơ	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°55'06"					C-48-56-B-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'14"	105°55'13"					C-48-56-B-b
cầu Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'20"	105°55'06"					C-48-56-B-b
chùa Hưng Thiện Tự	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'48"	105°55'11"					C-48-56-B-b
chùa Ông Bổn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'00"	105°55'10"					C-48-56-B-b
chùa Thiên Phước	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'01"	105°55'15"					C-48-56-B-b
Đài Truyền thanh huyện Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'03"	105°55'17"					C-48-56-B-b
di tích lịch sử văn hóa Đình Thiện Mỹ	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'03"	105°55'14"					C-48-56-B-b
đường Đốc Phủ Yên	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'05"	105°55'15"	9°58'17"	105°55'22"	C-48-56-B-b
đường Gia Long	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'05"	105°55'15"	9°58'00"	105°55'00"	C-48-56-B-b
đường Lê Lợi	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°55'01"	9°57'48"	105°55'10"	C-48-56-B-b
đường Lê Văn Duyệt	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'00"	105°55'10"	9°57'59"	105°55'02"	C-48-56-B-b
đường Thống Chế Điều Bát	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°57'59"	105°55'04"	9°57'59"	105°56'15"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường trục trung tâm thị trấn Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°57'52"	105°55'23"	9°58'14"	105°55'32"	C-48-56-B-b
đường Trưng Nhị	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'07"	105°55'17"	9°57'54"	105°55'18"	C-48-56-B-b
đường Trưng Trắc	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°57'54"	105°55'18"	9°57'48"	105°55'10"	C-48-56-B-b
đường Võ Tánh	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'05"	105°55'15"	9°58'19"	105°55'15"	C-48-56-B-b
Kho bạc Nhà nước huyện Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'05"	105°55'21"					C-48-56-B-b
miếu Thủy Nam Cung	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'42"	105°55'18"					C-48-56-B-b
nhà thờ thị trấn Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'09"	105°55'22"					C-48-56-B-b
tuyến phà Lục Sĩ Thành - Thị trấn Trà Ôn	KX	Xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°54'58"					C-48-56-B-b
tịnh xá Ngọc Trà	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'53"	105°55'15"					C-48-56-B-b
Tòa án Nhân dân huyện Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°58'05"	105°55'20"					C-48-56-B-b
Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Trà Ôn	KX	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°55'13"					C-48-56-B-b
rạch Mương Củi	TV	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'05"	105°55'43"	9°58'13"	105°55'08"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-b
sông Măng Thít	TV	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-56-B-b
sông Sóc Tro	TV	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°59'10"	105°54'36"	9°58'30"	105°55'06"	C-48-56-B-b
sông Trà Ôn	TV	TT. Trà Ôn	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°03'54"	105°49'16"	C-48-56-B-b
ấp Hiệp Hòa	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°02'10"	106°04'25"					C-48-45-C-c
ấp Hiệp Lợi	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°03'00"	106°05'17"					C-48-45-C-c
ấp Hiệp Thạnh	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°01'51"	106°01'56"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hiệp Thuận	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°01'15"	106°03'41"					C-48-45-C-c
ấp Kinh Mới	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°02'27"	106°05'25"					C-48-45-C-c
ấp Ngãi Hòa	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°03'03"	106°02'37"					C-48-45-C-c
ấp Tân Hòa	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°02'54"	106°03'16"					C-48-45-C-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°01'46"	106°02'48"					C-48-45-C-c
ấp Tân Thuận	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°02'15"	106°02'49"					C-48-45-C-c
ấp Tường Thạnh	DC	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°02'26"	106°02'31"					C-48-45-C-c
Đường huyện 74	KX	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'53"	106°00'05"	10°02'13"	106°02'47"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 901	KX	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-57-A-a; C-48-45-C-c
chùa Hưng Giác Tự	KX	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn	10°01'42"	106°03'31"					C-48-45-C-c
kênh Dà Dách	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'30"	106°01'53"	10°00'22"	106°01'30"	C-48-45-C-c
rạch Ba Huẩn	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'36"	106°03'17"	10°03'20"	106°03'43"	C-48-45-C-c
rạch Bà Phủ	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'47"	106°02'04"	10°01'17"	106°02'03"	C-48-45-C-c
rạch Cà Dâm	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'23"	106°04'28"	10°02'13"	106°05'30"	C-48-45-C-c
rạch Cái Dứa	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'15"	106°05'16"	10°02'23"	106°02'40"	C-48-45-C-c
rạch Cái Dứa	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'48"	106°03'35"	10°03'05"	106°03'44"	C-48-45-C-c
rạch Cai Ngoạt	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'41"	106°03'42"	10°02'58"	106°03'30"	C-48-45-C-c
rạch Cây Sung	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'30"	106°01'53"	10°01'12"	106°02'21"	C-48-45-C-c
rạch Cống Ba	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'18"	106°03'08"	10°01'51"	106°03'18"	C-48-45-C-c
rạch Cống Hai	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'14"	106°02'59"	10°02'02"	106°03'04"	C-48-45-C-c
rạch Cống Một	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'46"	106°02'56"	10°02'08"	106°02'58"	C-48-45-C-c
rạch Đìa Muồng	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'40"	106°03'37"	10°03'33"	106°02'32"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Đường Trâu	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'03"	106°02'26"	10°03'33"	106°02'45"	C-48-45-C-c
rạch Ngã Tư Mười Thới	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°03'44"	106°03'01"	10°02'56"	106°03'06"	C-48-45-C-c
kênh Sài Gòn Mới	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'12"	106°02'21"	10°01'23"	106°01'39"	C-48-45-C-c
Rạch Sơn	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'40"	106°02'43"	10°02'23"	106°02'40"	C-48-45-C-c
Rạch Trảng	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'12"	106°03'30"	10°02'47"	106°03'02"	C-48-45-C-c
sông Cái Cá	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°04'53"	106°02'45"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c
sông Đập Ranh	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°02'35"	106°05'31"	10°00'52"	106°04'56"	C-48-45-C-c
sông Hòa Bình	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°00'59"	106°03'53"	10°03'36"	106°00'25"	C-48-45-C-c
sông Kênh Mới	TV	xã Hòa Bình	H. Trà Ôn			10°01'31"	106°03'39"	10°02'44"	106°05'27"	C-48-45-C-c
ấp Khu Phố	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°57'32"	106°04'41"					C-48-57-A-a
ấp Trà Sơn	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	10°00'16"	106°01'27"					C-48-45-C-c
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°59'28"	106°00'57"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'53"	106°01'32"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Hựu	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'43"	106°03'30"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Sơn	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°59'58"	106°02'05"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'12"	106°04'01"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Thiện	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'30"	106°03'47"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°59'34"	106°02'27"					C-48-57-A-a
Đường huyện 72	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°56'52"	106°03'15"	9°59'30"	106°00'55"	C-48-57-A-a
Đường tỉnh 901	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-57-A-a
Đường tỉnh 906	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-57-A-a
Đường tỉnh 907	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bia chiến thắng Yếu Khu Thầy Phó	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°57'40"	106°04'48"					C-48-57-A-a
chợ Hựu Thành	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°57'44"	106°04'45"					C-48-57-A-a
chùa Phước Huệ	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°57'34"	106°04'46"					C-48-57-A-a
di tích lịch sử văn hóa Chùa Cũ	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	10°00'22"	106°01'00"					C-48-45-C-c
đình Vĩnh Thành	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'07"	106°04'20"					C-48-57-A-a
nhà thờ Hựu Thành	KX	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn	9°58'19"	106°04'03"					C-48-57-A-a
Kênh Đào	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'23"	106°02'48"	9°58'41"	106°01'31"	C-48-57-A-a
kênh Thầy Phó	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°56'47"	106°04'25"	9°57'42"	106°05'00"	C-48-57-A-a
rạch Đập Ấu	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'53"	106°00'57"	10°00'21"	105°59'36"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
rạch Trà Sơn	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	10°00'27"	106°01'09"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
sông Trà Ngoa	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
sông Vĩnh Thới	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	9°56'35"	106°03'05"	C-48-57-A-a
sông Vĩnh Thới	TV	xã Hựu Thành	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	9°56'35"	106°03'05"	C-48-57-A-a
ấp An Thành	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'12"	105°54'55"					C-48-56-B-b
ấp An Thạnh	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'18"	105°54'57"					C-48-56-B-b
ấp Kinh Đào	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°56'03"	105°56'24"					C-48-56-B-b
ấp Kinh Ngây	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°56'47"	105°54'25"					C-48-56-B-b
ấp Long Hưng	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°56'31"	105°54'48"					C-48-56-B-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'01"	105°54'30"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Thạnh A	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°56'38"	105°55'32"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Thạnh B	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°56'45"	105°55'53"					C-48-56-B-b
ấp Tân An	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'32"	105°54'43"					C-48-56-B-b
ấp Tân Thạnh	DC	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'50"	105°54'04"					C-48-56-B-b
Đường huyện 75	KX	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'53"	105°52'53"	9°57'39"	105°54'46"	C-48-56-B-b
chùa Vĩnh Khánh	KX	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°58'20"	105°53'43"					C-48-56-B-b
di tích lịch sử văn hóa Đình Hậu Thạnh	KX	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°58'02"	105°54'06"					C-48-56-B-b
đình Long Hưng	KX	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'03"	105°53'50"					C-48-56-B-b
bến phà Lục Sĩ Thành - Thị trấn Trà Ôn	KX	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°54'58"					C-48-56-B-b
cồn nổi Ấp Kinh Đào	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn	9°55'07"	105°57'08"					C-48-56-B-b
Kênh Sáng	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°57'47"	105°54'53"	9°56'28"	105°54'42"	C-48-56-B-b
Rạch Bà	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°56'12"	105°56'12"	9°55'35"	105°56'40"	C-48-56-B-b
Rạch Cái Bần	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°57'43"	105°54'13"	9°57'12"	105°54'38"	C-48-56-B-b
rạch Cái Cầu	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'37"	105°52'34"	9°57'12"	105°54'38"	C-48-56-B-b
rạch Hãng Nước Mắm	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°56'12"	105°56'12"	9°57'27"	105°54'44"	C-48-56-B-b
rạch Mái Dầm	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'11"	105°52'04"	9°56'32"	105°54'15"	C-48-56-B-b
rạch Mái Dầm	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'11"	105°52'04"	9°56'32"	105°54'15"	C-48-56-B-b
Rạch Quýt	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°57'28"	105°53'57"	9°57'43"	105°54'13"	C-48-56-B-b
Rạch Sung	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'38"	105°53'26"	9°57'43"	105°54'13"	C-48-56-B-b
rạch Trường Tiền	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°56'12"	105°56'12"	9°55'37"	105°56'37"	C-48-56-B-b
rạch Vàm Hàn	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°56'59"	105°53'40"	9°56'28"	105°54'42"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Vàm Sép	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			9°58'29"	105°53'35"	9°57'56"	105°54'42"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Lục Sỹ Thành	H. Trà Ôn			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-b
ấp Ba Chùa	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°03'27"	106°01'22"					C-48-45-C-c
ấp Kinh Số 1	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°03'14"	106°02'13"					C-48-45-C-c
ấp Nhơn Ngãi	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°02'56"	106°01'25"					C-48-45-C-c
ấp Nhơn Trí	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°02'01"	106°00'48"					C-48-45-C-c
ấp Sa Co	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°01'53"	105°59'51"					C-48-44-D-d
ấp Sa Rày	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°02'49"	106°00'52"					C-48-45-C-c
ấp Tường Ngãi	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°02'27"	106°01'42"					C-48-45-C-c
ấp Tường Nhơn	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°03'47"	106°00'38"					C-48-45-C-c
ấp Tường Trí	DC	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°02'02"	106°00'27"					C-48-45-C-c
Đường huyện 74	KX	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'53"	106°00'05"	10°02'13"	106°02'47"	C-48-45-C-c
bến đò Rạch Sa Rày	KX	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn	10°01'14"	105°59'11"					C-48-44-D-d
kênh Số 1	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'15"	106°01'57"	10°04'03"	106°02'22"	C-48-45-C-c
kênh Số 2	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'54"	106°02'32"	10°03'54"	106°02'16"	C-48-45-C-c
kênh Số 3	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°04'36"	106°02'34"	10°04'03"	106°02'22"	C-48-45-C-c
kênh Bông Súng	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°01'33"	106°00'42"	10°01'27"	106°01'40"	C-48-45-C-c
kênh Dà Dách	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'30"	106°01'53"	10°00'22"	106°01'30"	C-48-45-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'31"	106°02'04"	10°03'35"	106°01'18"	C-48-45-C-c
kênh Ngọc Hòang	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'45"	106°00'34"	10°01'57"	106°01'51"	C-48-45-C-c
rạch Ba Cảm	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'32"	106°02'15"	10°02'52"	106°02'10"	C-48-45-C-c
rạch Ba Chùa	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°04'05"	106°02'03"	10°03'22"	106°00'37"	C-48-45-C-c
rạch Bà Phó	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'25"	106°00'47"	10°02'02"	106°00'42"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Tàu Lùng	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'42"	106°02'10"	10°03'47"	106°01'33"	C-48-45-C-c
rạch Bà Tiềm	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'15"	106°01'57"	10°03'27"	106°01'12"	C-48-45-C-c
rạch Giao Khẩu	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'15"	106°01'35"	10°02'56"	106°00'57"	C-48-45-C-c
rạch Lý Luyễn	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'15"	106°01'57"	10°02'43"	106°01'52"	C-48-45-C-c
rạch Ông Chiêu	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°03'57"	106°01'38"	10°04'46"	106°01'14"	C-48-45-C-c
Rạch Sóc	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'22"	106°00'16"	10°01'58"	106°00'10"	C-48-45-C-c
rạch Xẻo Nhiên	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'33"	106°01'25"	10°02'02"	106°01'28"	C-48-45-C-c
sông Hòa Bình	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°00'59"	106°03'53"	10°03'36"	106°00'25"	C-48-45-C-c
sông Măng Thít	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Sa Co	TV	xã Nhơn Bình	H. Trà Ôn			10°02'06"	106°01'05"	10°01'16"	105°59'11"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
ấp Mái Dầm	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°57'21"	105°53'12"					C-48-56-B-b
ấp Phú Hưng	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°58'20"	105°52'43"					C-48-56-B-b
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°58'24"	105°51'54"					C-48-56-B-a
ấp Phú Long	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°57'48"	105°52'40"					C-48-56-B-b
ấp Phú Sung	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°58'34"	105°53'24"					C-48-56-B-b
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°58'53"	105°52'33"					C-48-56-B-b
ấp Phú Xuân	DC	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°59'15"	105°51'22"					C-48-56-B-a
Đường huyện 75	KX	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'53"	105°52'53"	9°57'39"	105°54'46"	C-48-56-B-b
đình Phú Mỹ Đông	KX	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°58'54"	105°52'55"					C-48-56-B-b
Cồn Sừng	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn	9°59'09"	105°52'38"					C-48-56-B-b
rạch Cái Cầu	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'37"	105°52'34"	9°57'12"	105°54'38"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mái Dầm	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'11"	105°52'04"	9°56'32"	105°54'15"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
rạch Phú Lợi	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'11"	105°52'04"	9°57'34"	105°52'54"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
Rạch Sung	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'38"	105°53'26"	9°57'43"	105°54'13"	C-48-56-B-b
rạch Thuộc Nhàn	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'00"	105°53'09"	9°58'56"	105°52'53"	C-48-56-B-b
rạch Vàm Hàn	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°56'59"	105°53'40"	9°56'28"	105°54'42"	C-48-56-B-b
rạch Vàm Sép	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			9°58'29"	105°53'35"	9°57'56"	105°54'42"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Phú Thành	H. Trà Ôn			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
ấp Cần Thay	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'37"	105°58'32"					C-48-56-B-b
ấp Gia Kiết	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'41"	105°58'55"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ An	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'29"	105°57'32"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Bình	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'34"	105°56'53"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Định	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'48"	105°57'56"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Phú	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	10°00'27"	105°58'59"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'30"	105°58'29"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Yên	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	10°00'04"	105°59'00"					C-48-56-B-b
ấp Sóc Ruộng	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'40"	105°57'08"					C-48-56-B-b
ấp Trà Mòn	DC	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'08"	105°57'56"					C-48-56-B-b
Đường huyện 71	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			10°00'52"	105°59'18"	9°57'38"	105°58'41"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 907	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
chùa Cần Thay	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'30"	105°58'39"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Giữa	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'10"	105°58'50"					C-48-56-B-b
di tích lịch sử văn hóa Chùa Gò Xoài	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'21"	105°57'01"					C-48-56-B-b
di tích lịch sử văn hóa Chùa Mới	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'23"	105°58'31"					C-48-56-B-b
bến đò Rạch Sa Rày	KX	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn	10°01'14"	105°59'11"					C-48-44-D-d
rạch Ba So	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'53"	105°56'32"	9°59'22"	105°56'19"	C-48-56-B-b
rạch Ban Chan	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'33"	105°59'32"	9°59'35"	106°00'16"	C-48-56-B-b
rạch Cần Thay	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°59'47"	105°59'01"	9°59'36"	105°57'16"	C-48-56-B-b
Rạch Cống	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°59'36"	105°57'16"	9°58'51"	105°55'48"	C-48-56-B-b
rạch Gia Kiết	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'33"	105°59'32"	9°58'27"	105°58'05"	C-48-56-B-b
rạch Lò Mo	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			10°00'22"	105°59'07"	10°00'46"	105°58'13"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
Rạch Tra	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'35"	105°57'08"	9°56'01"	105°57'16"	C-48-56-B-b
rạch Trà Côn	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			10°01'05"	105°59'12"	9°59'24"	106°00'46"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Trà Mòn	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'56"	105°58'56"	9°59'19"	105°56'39"	C-48-56-B-b
rạch Vườn Hoang	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°59'47"	105°57'47"	10°00'36"	105°57'58"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
sông Măng Thit	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-44-D-d; C-48-56-B-b
sông Trà Ngoa	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Vĩnh Thành	TV	xã Tân Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'23"	105°58'34"	9°57'50"	106°00'32"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cây Điệp	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°57'51"	105°57'52"					C-48-56-B-b
ấp Đục Dong	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°56'45"	105°57'40"					C-48-56-B-b
ấp Giồng Thanh Bạch	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'02"	105°56'25"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'18"	105°56'51"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'00"	105°56'32"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°56'49"	105°56'34"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Phó	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'26"	105°55'57"					C-48-56-B-b
ấp Mỹ Trung	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°57'05"	105°57'45"					C-48-56-B-b
ấp Tích Khánh	DC	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°56'16"	105°57'28"					C-48-56-B-b
Đường huyện 70	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°57'48"	105°55'10"	9°54'56"	105°58'35"	C-48-56-B-b
Quốc lộ 54	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			10°09'27"	105°41'34"	9°56'48"	106°03'39"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 907	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
đường 19 Tháng 5	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'09"	105°55'45"	9°57'50"	105°55'54"	C-48-56-B-b
chùa Linh Quang	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°59'14"	105°56'34"					C-48-56-B-b
chùa Long An	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'05"	105°57'26"					C-48-56-B-b
chùa Nhất Tâm	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'57"	105°56'51"					C-48-56-B-b
chùa Nhị Mỹ	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'33"	105°55'22"					C-48-56-B-b
chùa Phật Quang	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°56'48"	105°56'33"					C-48-56-B-b
chùa Phước Hiếu	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°57'14"	105°55'49"					C-48-56-B-b
chùa Từ Ân	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°56'51"	105°56'38"					C-48-56-B-b
đường Thống Chế Điều Bát	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°57'59"	105°55'04"	9°57'59"	105°56'15"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lăng Ông Thống Chế Điều Bát	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°57'58"	105°56'02"					C-48-56-B-b
niệm phật đường Phước Thành	KX	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn	9°58'28"	105°55'32"					C-48-56-B-b
rạch Ba So	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'53"	105°56'32"	9°59'22"	105°56'19"	C-48-56-B-b
rạch Bà Tam	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'19"	105°56'22"	9°59'00"	105°55'56"	C-48-56-B-b
rạch Bang Chang	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'17"	105°57'00"	9°56'45"	105°56'26"	C-48-56-B-b
Rạch Cống	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°59'36"	105°57'16"	9°58'51"	105°55'48"	C-48-56-B-b
rạch Mương Củi	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'05"	105°55'43"	9°58'13"	105°55'08"	C-48-56-B-b
Rạch Tra	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'35"	105°57'08"	9°56'01"	105°57'16"	C-48-56-B-b
Rạch Voi	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'13"	105°56'11"	9°58'38"	105°55'30"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-b
sông Măng Thít	TV	xã Thiện Mỹ	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-56-B-b
ấp Ninh Hòa	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	9°58'45"	106°03'41"					C-48-57-A-a
ấp Ninh Thuận	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	9°59'14"	106°03'00"					C-48-57-A-a
ấp Tường Hưng	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'16"	106°02'04"					C-48-45-C-c
ấp Tường Nghĩa	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'28"	106°03'41"					C-48-45-C-c
ấp Tường Phước	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'58"	106°04'15"					C-48-45-C-c
ấp Tường Thịnh	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	9°59'51"	106°02'23"					C-48-57-A-a
ấp Tường Thọ	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'09"	106°04'04"					C-48-45-C-c
ấp Tường Tín	DC	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'29"	106°03'07"					C-48-45-C-c
Đường huyện 73	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°00'43"	106°04'53"	10°00'54"	106°03'54"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 901	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-57-A-a; C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Cơ Chí Thiện	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'20"	106°03'15"					C-48-45-C-c
chùa Phước Kim	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	9°58'37"	106°03'43"					C-48-57-A-a
đình Ninh Hòa	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	9°58'45"	106°03'32"					C-48-57-A-a
đình Tường Hưng	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'00"	106°02'12"					C-48-57-A-a
đình Tường Thọ	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'50"	106°04'49"					C-48-45-C-c
đình Tường Tín	KX	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn	10°00'22"	106°02'55"					C-48-57-A-a
kênh Bảy Quán	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			9°59'58"	106°04'37"	10°00'39"	106°03'45"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
kênh Rạch Bần	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°00'52"	106°04'56"	10°00'59"	106°03'53"	C-48-45-C-c
kênh Ranh Tổng	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°00'52"	106°04'56"	9°58'31"	106°03'50"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
kênh Sài Gòn Mới	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°01'12"	106°02'21"	10°01'23"	106°01'39"	C-48-45-C-c
kênh Tám Thắng	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			9°59'28"	106°04'24"	10°00'25"	106°03'07"	C-48-57-A-a
rạch Cà Dâm	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°01'23"	106°04'28"	10°02'13"	106°05'30"	C-48-45-C-c
sông Đập Ranh	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°02'35"	106°05'31"	10°00'52"	106°04'56"	C-48-45-C-c
sông Trà Ngoa	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-57-A-a
sông Tường Tín	TV	xã Thới Hòa	H. Trà Ôn			10°00'59"	106°03'53"	9°59'57"	106°02'13"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
ấp Cống Đá	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°57'00"	106°03'13"					C-48-57-A-a
ấp Giồng Gòn	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°57'27"	106°02'48"					C-48-57-A-a
ấp Ông Lãnh	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°55'58"	106°01'41"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°57'21"	106°02'16"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Thới	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°58'16"	106°01'37"					C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°58'04"	106°02'14"					C-48-57-A-a
Quốc lộ 54	KX	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			10°09'27"	105°41'34"	9°56'48"	106°03'39"	C-48-57-A-a
Đường huyện 72	KX	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°56'52"	106°03'15"	9°59'30"	106°00'55"	C-48-57-A-a
chùa Phước Thuận	KX	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°57'24"	106°03'00"					C-48-57-A-a
di tích lịch sử văn hóa Đình Vĩnh Thuận	KX	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn	9°58'07"	106°02'04"					C-48-57-A-a
rạch Đầu Trâu	TV	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°57'00"	106°02'29"	9°58'09"	106°02'03"	C-48-57-A-a
Rạch Nghệ	TV	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°56'35"	106°03'05"	9°56'02"	106°01'06"	C-48-57-A-a
rạch Ông Lãnh	TV	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°57'08"	106°01'42"	9°55'50"	106°01'30"	C-48-57-A-a
rạch Ông Lãnh	TV	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°55'53"	106°02'05"	9°55'59"	106°01'37"	C-48-57-A-a
sông Vĩnh Thới	TV	xã Thuận Thới	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	9°56'35"	106°03'05"	C-48-57-A-a
ấp Cây Gòn	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°56'15"	105°59'14"					C-48-56-B-b
ấp Mương Điều	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°56'24"	105°58'43"					C-48-56-B-b
ấp Phú Quới	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°54'59"	105°58'56"					C-48-57-A-a
ấp Tích Khánh	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'54"	105°57'12"					C-48-56-B-b
ấp Tích Lộc	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'15"	105°58'12"					C-48-56-B-b
ấp Tích Phú	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°54'32"	105°59'45"					C-48-56-B-b
ấp Tích Phước	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'35"	105°57'49"					C-48-56-B-b
ấp Tích Quới	DC	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'54"	105°59'29"					C-48-57-A-a
Đường huyện 70	KX	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°57'48"	105°55'10"	9°54'56"	105°58'35"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 901	KX	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-57-A-a; C-48-45-C-c
chùa Quan Âm	KX	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'08"	105°58'21"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Tân Dinh	KX	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°54'56"	106°00'27"					C-48-57-A-a
thánh tịnh Ngọc Đài Long Tự	KX	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn	9°55'34"	105°59'30"					C-48-56-B-b
rạch Bưng Tường	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°56'43"	105°59'22"	9°55'14"	105°59'01"	C-48-56-B-b
Rạch Chiếc	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°55'59"	106°00'02"	9°54'51"	105°58'32"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
rạch Mương Điều	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°56'43"	105°59'22"	9°55'27"	105°57'56"	C-48-56-B-b
Rạch Tra	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°58'35"	105°57'08"	9°56'01"	105°57'16"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			10°08'09"	105°40'48"	9°53'08"	105°58'39"	C-48-56-B-b
sông Tân Dinh	TV	xã Tích Thiện	H. Trà Ôn			9°56'02"	106°01'06"	9°54'09"	105°59'04"	C-48-56-B-b
ấp Ban Chan	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°58'50"	105°59'58"					C-48-57-A-a
ấp Ngãi Lộ A	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°01'12"	105°59'21"					C-48-44-D-d
ấp Ngãi Lộ B	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°00'25"	106°01'35"					C-48-45-C-c
ấp Ông Tín	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'48"	106°00'12"					C-48-57-A-a
ấp Phạm Thị Mến	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°00'13"	106°00'20"					C-48-45-C-c
ấp Rạch Vẹt	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'49"	105°59'45"					C-48-56-B-b
ấp Tầm Vu	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'27"	105°59'38"					C-48-56-B-b
ấp Thôn Rôn	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°00'56"	106°00'32"					C-48-45-C-c
ấp Trà Ngoa	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°00'43"	105°59'19"					C-48-45-C-c
ấp Xẻo Tràm	DC	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'27"	106°00'27"					C-48-57-A-a
Đường huyện 71	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°00'52"	105°59'18"	9°57'38"	105°58'41"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 907	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Mới	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°01'03"	105°59'45"					C-48-44-D-d
chùa Phước Thành	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°01'15"	105°59'13"					C-48-44-D-d
đình Làng Trà Côn	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°00'32"	105°59'18"					C-48-44-D-d
đò ngang Rạch Sa Rày	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	10°01'14"	105°59'11"					C-48-44-D-d
miếu Ban Chan	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'08"	106°00'03"					C-48-57-A-a
tịnh thất Phổ Liên	KX	xã Trà Côn	H. Trà Ôn	9°59'12"	106°00'40"					C-48-57-A-a
rạch Ban Chan	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°58'33"	105°59'32"	9°59'35"	106°00'16"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
kênh Bông Súng	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°01'33"	106°00'42"	10°01'27"	106°01'40"	C-48-45-C-c
kênh Dà Dách	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°02'30"	106°01'53"	10°00'22"	106°01'30"	C-48-45-C-c
rạch Đập Ấu	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°59'53"	106°00'57"	10°00'21"	105°59'36"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
kênh Sài Gòn Mới	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°01'12"	106°02'21"	10°01'23"	106°01'39"	C-48-45-C-c
rạch Trà Côn	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°01'05"	105°59'12"	9°59'24"	106°00'46"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
rạch Trà Sơn	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	10°00'27"	106°01'09"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
rạch Trà Xiết	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°58'13"	106°00'35"	9°58'27"	105°58'05"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
sông Trà Ngoa	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-44-D-d; C-48-45-C-c
sông Vĩnh Xuân	TV	xã Trà Côn	H. Trà Ôn			9°55'41"	106°00'55"	9°59'24"	106°00'46"	C-48-57-A-a
ấp Gò Tranh	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'06"	106°00'18"					C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp La Ghì	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'16"	106°00'38"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Khánh 1	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°56'52"	105°59'57"					C-48-56-B-b
ấp Vĩnh Khánh 2	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°56'25"	106°00'49"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°58'37"	106°00'48"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Tắc	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'31"	106°00'10"					C-48-56-B-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'46"	106°00'16"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°56'04"	106°01'33"					C-48-57-A-a
ấp Vĩnh Trinh	DC	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°56'19"	106°00'14"					C-48-57-A-a
Quốc lộ 54	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			10°09'27"	105°41'34"	9°56'48"	106°03'39"	C-48-56-B-b
Đường huyện 71	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			10°00'52"	105°59'18"	9°57'38"	105°58'41"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 901	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-57-A-a; C-48-45-C-c
Tượng đài 308	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'04"	106°00'28"					C-48-57-A-a
chùa Phước Xuân	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'07"	106°00'07"					C-48-57-A-a
chùa Vĩnh Ca Phủ Tự	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°56'37"	106°00'29"					C-48-57-A-a
nghĩa trang Liệt sỹ huyện Trà Ôn	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'09"	106°00'02"					C-48-57-A-a
nhà thờ Vĩnh Xuân	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'16"	105°59'50"					C-48-56-B-b
nhà truyền thống Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long	KX	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn	9°57'22"	106°00'25"					C-48-57-A-a
rạch Bưng Tường	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°56'43"	105°59'22"	9°55'14"	105°59'01"	C-48-56-B-b
rạch Mương Điều	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°56'43"	105°59'22"	9°55'27"	105°57'56"	C-48-56-B-b
Rạch Nghệ	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°56'35"	106°03'05"	9°56'02"	106°01'06"	C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ông Chua	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°55'31"	106°00'41"	9°55'59"	106°00'02"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
rạch Ông Lãnh	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°57'08"	106°01'42"	9°55'50"	106°01'30"	C-48-57-A-a
rạch Trà Xiết	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°58'13"	106°00'35"	9°58'27"	105°58'05"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
sông Tân Dinh	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°56'02"	106°01'06"	9°54'09"	105°59'04"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
sông Vĩnh Thành	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°58'23"	105°58'34"	9°57'50"	106°00'32"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
sông Vĩnh Thới	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°59'24"	106°00'46"	9°56'35"	106°03'05"	C-48-56-B-b; C-48-57-A-a
sông Vĩnh Xuân	TV	xã Vĩnh Xuân	H. Trà Ôn			9°55'41"	106°00'55"	9°59'24"	106°00'46"	C-48-57-A-a
ấp Hồi Lộc	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'46"	106°03'27"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Phước	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°03'59"	106°04'19"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Thành	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°03'40"	106°05'11"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Thạnh	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°05'21"	106°03'08"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Thọ	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'24"	106°04'10"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Trinh	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'43"	106°01'50"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Tường	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°03'52"	106°03'30"					C-48-45-C-c
ấp Hồi Xuân	DC	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'28"	106°02'33"					C-48-45-C-c
Đường tỉnh 901	KX	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-45-C-c
chùa Bạch Quang Đàn	KX	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'47"	106°02'39"					C-48-45-C-c
nhà thờ Xuân Hiệp	KX	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn	10°04'53"	106°02'51"					C-48-45-C-c
kênh Số 3	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°04'36"	106°02'34"	10°04'03"	106°02'22"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Huề	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°03'44"	106°03'01"	10°04'46"	106°02'55"	C-48-45-C-c
rạch Bà Soi	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°04'40"	106°03'24"	10°03'48"	106°03'35"	C-48-45-C-c
Rạch Chùa	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°04'05"	106°02'03"	10°04'36"	106°02'04"	C-48-45-C-c
rạch Lý Nho	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°04'03"	106°02'22"	10°04'43"	106°02'12"	C-48-45-C-c
rạch Mương Khai	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°03'48"	106°03'35"	10°05'32"	106°04'06"	C-48-45-C-c
rạch Ông Chiêu	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°03'57"	106°01'38"	10°04'46"	106°01'14"	C-48-45-C-c
rạch Quang Phú	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°05'46"	106°05'28"	10°04'11"	106°04'28"	C-48-45-C-c
sông Cái Cá	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			10°04'53"	106°02'45"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c
sông Măng Thít	TV	xã Xuân Hiệp	H. Trà Ôn			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-c
Khóm 1	DC	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'52"	106°10'58"					C-48-45-C-d
Khóm 2	DC	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'55"	106°11'15"					C-48-45-C-d
ấp Phong Thới	DC	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'35"	106°11'14"					C-48-45-C-d
ấp Rạch Trúc	DC	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'20"	106°10'26"					C-48-45-C-d
ấp Trung Tín	DC	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'26"	106°10'51"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 902	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°15'15"	105°58'35"	10°05'04"	106°11'19"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
Bảo hiểm xã hội Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'46"	106°11'01"					C-48-45-C-d
Bệnh viện Đa khoa Nguyễn Văn Thủ	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'37"	106°11'04"					C-48-45-C-d
cầu Chợ Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'48"	106°10'56"					C-48-45-C-d
cầu Phong Thới	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'49"	106°11'05"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Trung Hiệp	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'52"	106°10'31"					C-48-45-C-d
Chi cục Thống kê huyện Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'41"	106°11'01"					C-48-45-C-d
Chi cục Thuế huyện Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'42"	106°11'03"					C-48-45-C-d
chùa Bửu Long	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'33"	106°11'11"					C-48-45-C-d
chùa Hội An	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'24"	106°11'10"					C-48-45-C-d
chùa Hưng Liêm Tự	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'53"	106°11'09"					C-48-45-C-d
chùa Long Khánh	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'53"	106°10'49"					C-48-45-C-d
chùa Sơn Thành	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°06'01"	106°10'33"					C-48-45-C-d
Đài Truyền thanh huyện Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'45"	106°11'01"					C-48-45-C-d
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°05'50"	106°11'01"	10°05'04"	106°11'19"	C-48-45-C-d
Kho bạc Nhà nước huyện Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'46"	106°11'00"					C-48-45-C-d
Khu bảo tàng Nông nghiệp	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'10"	106°11'11"					C-48-45-C-d
Khu tưởng niệm Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'09"	106°11'15"					C-48-45-C-d
lăng Ông Nam Hải	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°06'07"	106°11'12"					C-48-45-C-d
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'44"	106°11'05"					C-48-45-C-d
Nhà máy Nước Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°06'07"	106°10'31"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Chúa Quan Phòng	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'32"	106°11'05"					C-48-45-C-d
Quảng trường Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'19"	106°11'12"					C-48-45-C-d
Trung tâm Y tế huyện Vũng Liêm	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'34"	106°11'07"					C-48-45-C-d
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiếu Tự	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'20"	106°11'16"					C-48-45-C-d
Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	KX	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm	10°05'53"	106°10'41"					C-48-45-C-d
kênh Rạch Đôn	TV	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°03'35"	106°11'40"	10°05'56"	106°10'57"	C-48-45-C-d
kênh Rạch Trúc	TV	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°05'49"	106°10'49"	10°05'05"	106°10'56"	C-48-45-C-d
sông Mai Phốp	TV	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'59"	10°06'06"	106°10'28"	C-48-45-C-d
sông Vũng Liêm	TV	TT. Vũng Liêm	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-d
ấp Hiếu Ân	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°57'53"	106°04'52"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Hạnh	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'58"	106°04'49"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Hậu	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°56'37"	106°06'31"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Nhân	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°57'28"	106°06'52"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Thảo	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'52"	106°04'11"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Tín	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°57'56"	106°06'18"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Trung	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'24"	106°04'09"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Trung A	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°57'38"	106°05'20"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Văn	DC	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'19"	106°05'25"					C-48-57-A-a
Đường tỉnh 906	KX	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-57-A-a
Đường tỉnh 907	KX	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-57-A-a
chùa Hưng Nam Tự	KX	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'21"	106°05'17"					C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Huỳnh Long	KX	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°58'08"	106°04'25"					C-48-57-A-a
đình Hiếu Ân	KX	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm	9°57'45"	106°04'58"					C-48-57-A-a
Kênh 60	TV	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			9°58'51"	106°05'25"	9°57'20"	106°07'29"	C-48-57-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°00'52"	106°04'56"	9°58'31"	106°03'50"	C-48-57-A-a
sông Ngã Chánh	TV	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			9°57'42"	106°05'00"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-57-A-a
sông Ngã Hậu	TV	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			9°56'22"	106°06'40"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-57-A-a
sông Trà Ngoa	TV	xã Hiếu Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°01'17"	105°58'53"	9°56'22"	106°06'40"	C-48-57-A-a
ấp Hiếu Hòa A	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°01'36"	106°06'28"					C-48-45-C-c
ấp Hiếu Hòa B	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°00'39"	106°05'31"					C-48-45-C-c
ấp Hiếu Minh A	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°00'38"	106°07'48"					C-48-45-C-d
ấp Hiếu Minh B	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°01'43"	106°07'20"					C-48-45-C-c
ấp Hiếu Thủ	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°01'49"	106°05'33"					C-48-45-C-c
ấp Ngã Chánh	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°01'19"	106°06'04"					C-48-45-C-c
ấp Ngã Hậu	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°00'03"	106°07'40"					C-48-45-C-c
ấp Ngã Phú	DC	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°00'48"	106°06'14"					C-48-45-C-c
Đường huyện 66	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°00'16"	106°05'58"	10°00'43"	106°04'53"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 906	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 907	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
cầu Đình Đôi	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°00'14"	106°05'57"					C-48-45-C-c
Cầu Trắng	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°01'26"	106°06'22"					C-48-45-C-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°02'24"	106°05'55"					C-48-45-C-c
Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Hiếu Nhơn	KX	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm	10°02'06"	106°06'35"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cầu Trắng	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°01'08"	106°07'06"	10°01'28"	106°06'18"	C-48-45-C-c
kênh Đình Đôi	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°00'16"	106°05'53"	9°59'54"	106°06'55"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
Kênh Tỉnh	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			9°58'13"	106°06'20"	10°01'08"	106°07'06"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
rạch Bưng Ngang	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°00'11"	106°07'33"	9°59'54"	106°07'15"	C-48-57-A-a
rạch Hiếu Thọ	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°00'52"	106°04'56"	10°00'20"	106°05'54"	C-48-45-C-c
sông Cái Cá	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°04'53"	106°02'45"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c
sông Đập Ranh	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°02'35"	106°05'31"	10°00'52"	106°04'56"	C-48-45-C-c
sông Ngã Chánh	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			9°57'42"	106°05'00"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c
sông Ngã Hậu	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			9°56'22"	106°06'40"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
sông Nhà Đài	TV	xã Hiếu Nhơn	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-45-C-c
ấp Hiếu Hiệp	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'24"	106°06'37"					C-48-45-C-c
ấp Nhơn Ngãi	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°04'10"	106°07'07"					C-48-45-C-c
ấp Nhơn Nghĩa	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'50"	106°07'06"					C-48-45-C-c
ấp Quang Huy	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°04'06"	106°06'06"					C-48-45-C-c
ấp Quang Phú	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'28"	106°05'40"					C-48-45-C-c
ấp Quang Thạnh	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°04'21"	106°07'05"					C-48-45-C-c
ấp Tân Huy	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°04'51"	106°06'37"					C-48-45-C-c
ấp Tân Khánh	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'50"	106°06'43"					C-48-45-C-c
ấp Tân Quang	DC	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°04'46"	106°07'06"					C-48-45-C-c
Đường huyện 60	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°07'04"	106°07'41"	10°05'35"	106°05'32"	C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 60B	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°06'44"	106°07'53"	10°05'06"	106°07'02"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 906	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-45-C-c
cầu Bưng Trường	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'10"	106°06'53"					C-48-45-C-c
cầu Quang Phú	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'38"	106°05'24"					C-48-45-C-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'27"	106°06'09"					C-48-45-C-c
Quốc lộ 53	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-c
nhà thờ Nhơn Ngãi	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'26"	106°07'02"					C-48-45-C-c
Trường Trung học phổ thông Hiếu Phụng	KX	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm	10°05'00"	106°07'05"					C-48-45-C-c
đập Ba Phụng	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°04'24"	106°05'37"	10°04'30"	106°06'47"	C-48-45-C-c
Đập Tỉnh	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°04'40"	106°05'52"	10°04'52"	106°06'53"	C-48-45-C-c
kênh Tân Khánh	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°05'46"	106°05'28"	10°06'00"	106°06'51"	C-48-45-C-c
rạch Quang Phú	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°05'46"	106°05'28"	10°04'11"	106°04'28"	C-48-45-C-c
rạch Tám Khương	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°05'37"	106°05'24"	10°04'38"	106°05'27"	C-48-45-C-c
sông Bưng Trường	TV	xã Hiếu Phụng	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°06'21"	106°06'40"	C-48-45-C-c
ấp Hiếu Bình	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°58'01"	106°06'48"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Kinh A	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'34"	106°07'19"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Kinh B	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°58'25"	106°07'25"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Liên	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'08"	106°07'26"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Ngãi	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'06"	106°05'19"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Thạnh	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'59"	106°05'33"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Thọ	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	10°00'39"	106°04'58"					C-48-45-C-c
ấp Hiếu Xuân	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'25"	106°05'47"					C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hiếu Xuân Đông	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'48"	106°06'24"					C-48-57-A-a
ấp Hiếu Xuân Tây	DC	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°58'50"	106°05'38"					C-48-57-A-a
Đường huyện 66	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			10°00'16"	106°05'58"	10°00'43"	106°04'53"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 906	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
Đường tỉnh 907	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-57-A-b
cầu Đình Đôi	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	10°00'14"	106°05'57"					C-48-45-C-c
cầu kênh 60	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°57'22"	106°07'26"					C-48-57-A-a
cầu Kinh Tắc	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'49"	106°07'39"					C-48-57-A-b
cầu Quan Hai	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°58'48"	106°05'29"					C-48-57-A-a
chùa Phước Linh	KX	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm	9°59'38"	106°05'45"					C-48-57-A-a
Kênh 60	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°58'51"	106°05'25"	9°57'20"	106°07'29"	C-48-57-A-a
kênh Đình Đôi	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			10°00'16"	106°05'53"	9°59'54"	106°06'55"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			10°00'52"	106°04'56"	9°58'31"	106°03'50"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
Kênh Tỉnh	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°58'13"	106°06'20"	10°01'08"	106°07'06"	C-48-57-A-a
rạch Đập Đình	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°59'14"	106°07'18"	9°59'54"	106°07'15"	C-48-57-A-a
rạch Hiếu Thọ	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			10°00'52"	106°04'56"	10°00'20"	106°05'54"	C-48-45-C-c
sông Ngã Chánh	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°57'42"	106°05'00"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c; C-48-57-A-a
sông Ngã Hậu	TV	xã Hiếu Thành	H. Vũng Liêm			9°56'22"	106°06'40"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-57-A-a
ấp Cây Gáo	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'44"	106°05'28"					C-48-45-C-c
ấp Ngãi Thạnh	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'26"	106°06'24"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Cường	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'01"	106°06'58"					C-48-45-C-c
ấp Phú Điền	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'58"	106°06'47"					C-48-45-C-c
ấp Quang Mỹ	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'36"	106°06'39"					C-48-45-C-c
ấp Quang Trường	DC	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'37"	106°07'08"					C-48-45-C-c
Đường tỉnh 906	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°05'06"	106°07'02"	9°56'49"	106°04'18"	C-48-45-C-c
cầu Hiếu Thuận	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'28"	106°06'34"					C-48-45-C-c
cầu Lái Hòn	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'22"	106°06'48"					C-48-45-C-c
chùa Cổ Phật Tự	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'35"	106°06'08"					C-48-45-C-c
chùa Hội Phước	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'57"	106°06'44"					C-48-45-C-c
nhà thờ Bưng Trường	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°03'48"	106°06'48"					C-48-45-C-c
nhà thờ Hiếu Nhơn	KX	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm	10°02'15"	106°06'30"					C-48-45-C-c
kênh Tổng Phi	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°01'47"	106°07'20"	10°05'10"	106°08'14"	C-48-45-C-d
rạch Đập Cát Lớn	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°03'11"	106°05'37"	10°03'11"	106°06'39"	C-48-45-C-c
rạch Lái Hòn	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°03'05"	106°07'48"	10°03'24"	106°06'41"	C-48-45-C-c; C-48-45-C-d
sông Bưng Trường	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°06'21"	106°06'40"	C-48-45-C-c
sông Cái Cá	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°04'53"	106°02'45"	10°02'10"	106°06'30"	C-48-45-C-c
sông Nhà Đài	TV	xã Hiếu Thuận	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-45-C-c
ấp An Quới	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°07'48"	106°09'41"					C-48-45-C-d
ấp Hiệp Trường	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°08'31"	106°08'44"					C-48-45-C-d
Ấp Nhứt	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°09'15"	106°09'01"					C-48-45-C-b
ấp Phước Thọ	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°08'19"	106°10'36"					C-48-45-C-b
ấp Phước Trường	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°08'59"	106°09'49"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Quang Bình	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°07'19"	106°09'22"					C-48-45-C-d
ấp Quang Hòa	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°07'58"	106°09'29"					C-48-45-C-b
ấp Quang Minh	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°06'51"	106°09'29"					C-48-45-C-d
ấp Trường Định	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°08'39"	106°09'39"					C-48-45-C-b
ấp Vàm An	DC	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°09'32"	106°09'35"					C-48-45-C-b
Đường huyện 65B	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°09'14"	106°09'46"	10°06'10"	106°10'56"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
Đường huyện 69	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°09'53"	106°06'58"	10°06'33"	106°10'34"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
Đường tỉnh 901	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-45-C-b
Đường tỉnh 902	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°15'15"	105°58'35"	10°05'04"	106°11'19"	C-48-45-C-b
nhà thờ Cái Trôm	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°07'51"	106°09'31"					C-48-45-C-b
tuyến phà Mang Thít	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°09'58"	106°09'46"					C-48-45-C-b
đình Phước Thọ	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°08'50"	106°10'25"					C-48-45-C-b
cầu Trường Định	KX	xã Quới An	H. Vũng Liêm	10°09'18"	106°09'44"					C-48-45-C-b
rạch Cái Trôm	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°08'20"	106°09'24"	10°09'29"	106°10'03"	C-48-45-C-b
Rạch Sâu	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°08'20"	106°09'24"	10°07'08"	106°08'54"	C-48-45-C-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°17'06"	105°55'28"	10°03'07"	106°17'19"	C-48-45-C-b
sông Măng Thít	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-b
sông Trường Định	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°08'30"	106°08'22"	10°08'20"	106°09'24"	C-48-45-C-b
sông Vũng Liêm	TV	xã Quới An	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-b
ấp Bình Lương	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°08'43"	106°12'59"					C-48-45-C-b
ấp Phú Thới	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°08'49"	106°12'28"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phước Bình	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°07'34"	106°12'19"					C-48-45-C-b
ấp Phước Lý Nhì	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'37"	106°10'52"					C-48-45-C-b
ấp Phước Lý Nhứt	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°08'41"	106°11'16"					C-48-45-C-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°07'44"	106°11'58"					C-48-45-C-b
ấp Rạch Sâu	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'55"	106°11'17"					C-48-45-C-b
ấp Rạch Vọp	DC	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'07"	106°12'10"					C-48-45-C-b
Đường huyện 67B	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°09'29"	106°10'49"	10°06'40"	106°13'51"	C-48-45-C-b
chợ Rạch Vọp	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'02"	106°12'27"					C-48-45-C-b
chùa Kim Quang	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'15"	106°12'25"					C-48-45-C-b
chùa Vạn Cổ	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°08'11"	106°11'46"					C-48-45-C-b
đình thần Phước Lý Nhất	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°08'48"	106°11'18"					C-48-45-C-b
miếu thánh Thần Nông	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°10'15"	106°11'13"					C-48-45-C-b
nhà thờ họ đạo Cù Lao Dài	KX	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'36"	106°10'54"					C-48-45-C-b
cồn Thanh Long	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm	10°09'44"	106°10'25"					C-48-45-C-b
rạch Kênh Đào	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°08'40"	106°13'07"	10°06'18"	106°14'41"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
rạch Phước Lý Nhất	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°08'28"	106°12'08"	10°09'11"	106°11'17"	C-48-45-C-b
rạch Phước Lý Nhì	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°09'11"	106°11'17"	10°09'42"	106°10'48"	C-48-45-C-b
Rạch Sâu	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°10'03"	106°11'24"	10°10'28"	106°11'07"	C-48-45-C-b
rạch Thanh Lương	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°08'28"	106°12'08"	10°06'21"	106°13'16"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
Rạch Vọp	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°09'59"	106°11'28"	10°09'02"	106°12'46"	C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cổ Chiên	TV	xã Quới Thiện	H. Vũng Liêm			10°17'06"	105°55'28"	10°03'07"	106°17'19"	C-48-45-C-b
Ấp 3	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°08'24"	106°06'14"					C-48-45-C-a
Ấp 4	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°07'24"	106°06'20"					C-48-45-C-a
Ấp 5	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'47"	106°05'36"					C-48-45-C-c
Ấp 6	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'17"	106°05'21"					C-48-45-C-c
Ấp 7	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'28"	106°04'52"					C-48-45-C-c
Ấp 8	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°05'22"	106°05'11"					C-48-45-C-c
ấp Bào Xép	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'35"	106°06'09"					C-48-45-C-c
ấp Bờ Sao	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'18"	106°06'10"					C-48-45-C-c
ấp Đập Sậy	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°05'02"	106°04'34"					C-48-45-C-c
ấp Gò Ân	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'35"	106°05'23"					C-48-45-C-c
ấp Nước Xoáy	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°05'48"	106°04'16"					C-48-45-C-c
ấp Rạch Cốc	DC	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°07'36"	106°05'06"					C-48-45-C-c
Quốc lộ 53	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-c
Đường huyện 60	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°07'04"	106°07'41"	10°05'35"	106°05'32"	C-48-45-C-c
Đường tỉnh 901	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-45-C-a
bia Chiến thắng Bắc Nước Xoáy	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°05'50"	106°04'25"					C-48-45-C-c
cầu Măng Thít	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'23"	106°04'39"					C-48-45-C-c
cầu Quang Phú	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°05'38"	106°05'24"					C-48-45-C-c
chợ Tân An Luông	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'15"	106°04'39"					C-48-45-C-c
chùa Bửu An	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'08"	106°04'42"					C-48-45-C-c
đình Hồi Long	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°07'07"	106°04'59"					C-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh thất Thượng Linh Đàn	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°06'22"	106°04'45"					C-48-45-C-c
thánh tịnh Thanh Long Cung	KX	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm	10°07'08"	106°05'01"					C-48-45-C-c
kênh Cả Ba	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°08'30"	106°06'55"	10°08'27"	106°06'07"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
kênh Giáo Quý	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°06'30"	106°06'20"	10°07'35"	106°06'01"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
kênh Ông Xã Mười	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°08'11"	106°06'40"	10°08'14"	106°06'13"	C-48-45-C-a
kênh Tân Khánh	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°05'46"	106°05'28"	10°06'00"	106°06'51"	C-48-45-C-c
rạch Mương Khai	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°03'48"	106°03'35"	10°05'32"	106°04'06"	C-48-45-C-a
rạch Quang Phú	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°05'46"	106°05'28"	10°04'11"	106°04'28"	C-48-45-C-c
sông Bưng Trường	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°06'21"	106°06'40"	C-48-45-C-c
sông Măng Thít	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
sông Rạch Dầy	TV	xã Tân An Luông	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°07'05"	106°05'02"	C-48-45-C-c
ấp Cái Trôm	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°10'20"	106°07'12"					C-48-45-C-a
ấp Đập Thủ	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°08'38"	106°06'01"					C-48-45-C-a
Ấp Nhì	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'30"	106°08'23"					C-48-45-C-b
Ấp Nhứt	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'20"	106°06'51"					C-48-45-C-a
ấp Quang Diệu	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°08'47"	106°06'54"					C-48-45-C-a
ấp Quang Hiệp	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°08'50"	106°07'46"					C-48-45-C-b
ấp Rạch Đôi	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'35"	106°06'59"					C-48-45-C-a
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'44"	106°07'40"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Quới	DC	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'34"	106°06'06"					C-48-45-C-a
Đường huyện 69	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			10°09'53"	106°06'58"	10°06'33"	106°10'34"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
Đường tỉnh 901	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			9°59'52"	106°02'07"	10°09'44"	106°09'47"	C-48-45-C-a
Đường tỉnh 907	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-a
chùa Vĩnh Lạc	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'36"	106°05'59"					C-48-45-C-a
đình Tân An Tây	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°10'17"	106°06'23"					C-48-45-C-b
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'40"	106°08'29"					C-48-45-C-a
nhà thờ Quang Diệu	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'19"	106°07'02"					C-48-45-C-a
nhà thờ Tân An Đông	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°09'27"	106°07'53"					C-48-45-C-a
tuyến phà Cái Nhum - Tân Quới Trung	KX	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm	10°10'23"	106°06'40"					C-48-45-C-a
kênh Cả Ba	TV	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			10°08'30"	106°06'55"	10°08'27"	106°06'07"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-c
kênh Đập Thủ	TV	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			10°08'54"	106°06'38"	10°08'54"	106°06'02"	C-48-45-C-a
sông Cái Trôm	TV	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			10°08'30"	106°08'22"	10°10'20"	106°06'41"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
sông Măng Thít	TV	xã Tân Quới Trung	H. Vũng Liêm			9°58'01"	105°54'58"	10°09'46"	106°10'10"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
ấp Bình Thủy	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°05'09"	106°15'12"					C-48-45-D-c
ấp Cái Dứa	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°05'23"	106°14'29"					C-48-45-C-d
Ấp Lăng	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°06'12"	106°13'47"					C-48-45-C-d
ấp Tân Bình	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'43"	106°13'18"					C-48-45-C-b
ấp Thái An	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°06'48"	106°14'17"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thái Bình	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°06'46"	106°14'01"					C-48-45-C-d
ấp Thanh Bình	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'54"	106°13'16"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Khê	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°05'29"	106°15'06"					C-48-45-C-d
ấp Thanh Lương	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'01"	106°13'13"					C-48-45-C-d
ấp Thanh Phong	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°05'46"	106°15'01"					C-48-45-C-d
ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'15"	106°12'36"					C-48-45-C-d
ấp Thông Lưu	DC	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°04'50"	106°15'46"					C-48-45-D-c
Đường huyện 67B	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm			10°09'29"	106°10'49"	10°06'40"	106°13'51"	C-48-45-C-d; C-48-45-C-b
chùa Linh Phước	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'24"	106°13'37"					C-48-45-C-d
chùa Long Thuyền	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°05'43"	106°13'56"					C-48-45-C-d
chùa Thanh Quang	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°07'13"	106°13'02"					C-48-45-C-d
di tích lịch sử văn hóa Đình Thái Bình	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°06'35"	106°13'48"					C-48-45-C-d
đình Thanh Lương	KX	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm	10°04'54"	106°15'26"					C-48-45-C-d
rạch Bình Thùy	TV	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm			10°06'18"	106°14'36"	10°04'42"	106°15'27"	C-48-45-C-d; C-48-45-D-c
rạch Kênh Đào	TV	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm			10°08'40"	106°13'07"	10°06'18"	106°14'41"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
rạch Thanh Lương	TV	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm			10°08'28"	106°12'08"	10°06'21"	106°13'16"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Thanh Bình	H. Vũng Liêm			10°17'06"	105°55'28"	10°03'07"	106°17'19"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-c
ấp An Hậu	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°02'21"	106°07'41"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Lạc 1	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°02'46"	106°08'46"					C-48-45-C-d
ấp An Lạc 2	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°02'16"	106°08'13"					C-48-45-C-d
ấp An Phú	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°03'17"	106°08'10"					C-48-45-C-d
ấp An Phước	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'37"	106°08'29"					C-48-45-C-d
ấp Trung Hòa 1	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'31"	106°09'50"					C-48-45-C-d
ấp Trung Hòa 2	DC	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'19"	106°09'05"					C-48-45-C-d
Đường huyện 62	KX	xã Trung An	H. Vũng Liêm			10°04'31"	106°09'16"	10°01'23"	106°08'16"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung An	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
cầu An Lạc	KX	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'37"	106°08'02"					C-48-45-C-d
di tích lịch sử cách mạng Đình Trung Hòa	KX	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'11"	106°09'02"					C-48-45-C-d
Miếu Bà	KX	xã Trung An	H. Vũng Liêm	10°01'31"	106°07'58"					C-48-45-C-d
kênh Tổng Phi	TV	xã Trung An	H. Vũng Liêm			10°01'47"	106°07'20"	10°05'10"	106°08'14"	C-48-45-C-d
sông Mai Phốp	TV	xã Trung An	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'59"	10°06'06"	106°10'28"	C-48-45-C-d
sông Mây Tức	TV	xã Trung An	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'58"	10°00'39"	106°12'22"	C-48-45-C-d
sông Nhà Đài	TV	xã Trung An	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°01'30"	106°07'58"	C-48-45-C-d
ấp Bà Đông	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'46"	106°08'13"					C-48-45-C-b
ấp Bà Phận	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°08'15"	106°07'24"					C-48-45-C-a
ấp Chợ Mới	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°06'47"	106°06'27"					C-48-45-C-c
ấp Quang Đức	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'31"	106°09'11"					C-48-45-C-b
ấp Quang Trạch	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°08'00"	106°08'38"					C-48-45-C-b
ấp Rạch Chim	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'23"	106°07'27"					C-48-45-C-d
ấp Rạch Dung	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'16"	106°08'20"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Rạch Rô	DC	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'51"	106°07'07"					C-48-45-C-a
Đường huyện 60	KX	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°07'04"	106°07'41"	10°05'35"	106°05'32"	C-48-45-C-c; C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
di tích lịch sử văn hóa Đình Quang Phong	KX	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'33"	106°07'38"					C-48-45-C-b
đình Quang Đức	KX	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm	10°07'12"	106°08'51"					C-48-45-C-d
ngọn Bà Phận	TV	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°07'30"	106°06'46"	10°07'29"	106°07'40"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
rạch Bà Đông	TV	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°08'26"	106°08'13"	10°07'06"	106°07'44"	C-48-45-C-b
rạch Ba Sắt	TV	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°07'22"	106°07'40"	10°06'45"	106°07'27"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
Rạch Sâu	TV	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°08'20"	106°09'24"	10°07'08"	106°08'54"	C-48-45-C-b
sông Vũng Liêm	TV	xã Trung Chánh	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-c; C-48-45-C-d
Ấp 4	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'12"	106°08'15"					C-48-45-C-d
ấp Bình Phụng	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'30"	106°08'18"					C-48-45-C-d
ấp Mướp Sát	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'57"	106°08'12"					C-48-45-C-d
ấp Rạch Ngay	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'23"	106°07'11"					C-48-45-C-c
ấp Rạch Nưng	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'21"	106°10'03"					C-48-45-C-d
ấp Ruột Ngựa	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'35"	106°08'59"					C-48-45-C-d
ấp Trung Hưng	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'56"	106°08'49"					C-48-45-C-d
ấp Trung Trị	DC	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'34"	106°09'53"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
Đường huyện 60B	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°06'44"	106°07'53"	10°05'06"	106°07'02"	C-48-45-C-c; C-48-45-C-d
Đường huyện 61	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°05'50"	106°08'24"	10°04'47"	106°08'05"	C-48-45-C-d
Đường huyện 61B	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°06'44"	106°07'53"	10°04'31"	106°09'08"	C-48-45-C-d
cầu Trung Hiệp	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'52"	106°10'31"					C-48-45-C-d
chùa An Thạnh	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'18"	106°08'14"					C-48-45-C-d
chùa Hưng Chánh Tự	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'20"	106°09'57"					C-48-45-C-d
di tích lịch sử cách mạng Đình Bình Phụng	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°05'14"	106°08'50"					C-48-45-C-d
đình Quang Chiêu	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°06'04"	106°10'21"					C-48-45-C-d
đình Trung Hưng	KX	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm	10°07'04"	106°08'13"					C-48-45-C-d
kênh Mỹ Đào	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°05'10"	106°08'14"	10°05'02"	106°09'06"	C-48-45-C-d
Rạch Cống	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°06'34"	106°08'00"	10°06'24"	106°09'13"	C-48-45-C-d
sông Bưng Trường	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°02'10"	106°06'30"	10°06'21"	106°06'40"	C-48-45-C-c
sông Mai Phốp	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'59"	10°06'06"	106°10'28"	C-48-45-C-d
sông Mướp Sát	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°05'10"	106°08'14"	10°07'03"	106°07'54"	C-48-45-C-d
sông Ruột Ngựa	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°05'02"	106°09'06"	10°06'42"	106°09'27"	C-48-45-C-d
sông Vũng Liêm	TV	xã Trung Hiệp	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-c; C-48-45-C-d
ấp An Điền 1	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'49"	106°10'17"					C-48-45-C-d
ấp An Điền 2	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'07"	106°09'15"					C-48-45-C-d
ấp An Lạc Đông	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°03'09"	106°08'53"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Lạc Tây	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°03'37"	106°08'51"					C-48-45-C-d
ấp An Thành Đông	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'08"	106°08'11"					C-48-45-C-d
ấp An Thành Tây	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'21"	106°07'55"					C-48-45-C-d
ấp Bình Thành	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'39"	106°08'44"					C-48-45-C-d
ấp Bình Trung	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'51"	106°09'32"					C-48-45-C-d
ấp Trung Điền	DC	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'25"	106°09'26"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-d
Đường huyện 61	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°05'50"	106°08'24"	10°04'47"	106°08'05"	C-48-45-C-d
Đường huyện 61B	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°06'44"	106°07'53"	10°04'31"	106°09'08"	C-48-45-C-d
Đường huyện 62	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°04'31"	106°09'16"	10°01'23"	106°08'16"	C-48-45-C-d
Cầu Đá	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'47"	106°08'06"					C-48-45-C-d
cầu Mai Phốp	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'31"	106°09'14"					C-48-45-C-d
chùa Vĩnh Quang	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'31"	106°09'22"					C-48-45-C-d
di tích lịch sử cách mạng Đình An Lạc	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°03'37"	106°08'55"					C-48-45-C-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'29"	106°07'59"					C-48-45-C-d
nghĩa trang liệt sỹ huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'54"	106°10'27"					C-48-45-C-d
nhà thờ Cầu Đá	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'52"	106°08'04"					C-48-45-C-d
nhà thờ Họ đạo Mai Phốp	KX	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm	10°04'33"	106°09'12"					C-48-45-C-d
kênh Mỹ Đào	TV	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°05'10"	106°08'14"	10°05'02"	106°09'06"	C-48-45-C-d
kênh Sậy Đồn	TV	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°04'48"	106°10'09"	10°01'27"	106°10'33"	C-48-45-C-d
kênh Tổng Phi	TV	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°01'47"	106°07'20"	10°05'10"	106°08'14"	C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mai Phốp	TV	xã Trung Hiếu	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'59"	10°06'06"	106°10'28"	C-48-45-C-d
Ấp 1	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°02'49"	106°11'50"					C-48-45-C-d
Ấp 2	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°02'07"	106°11'19"					C-48-45-C-d
Ấp 7	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'17"	106°12'20"					C-48-45-C-d
Ấp 8	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'38"	106°13'05"					C-48-45-C-d
ấp Giồng Ké	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'23"	106°11'38"					C-48-45-C-d
Ấp Kinh	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°01'43"	106°10'53"					C-48-45-C-d
ấp Phú Nhuận	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'02"	106°12'41"					C-48-45-C-d
ấp Tam Trung	DC	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°01'58"	106°10'25"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
cầu Giồng Ké	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'19"	106°11'51"					C-48-45-C-d
cầu Nghĩa Trang	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'27"	106°13'20"					C-48-45-C-d
di tích lịch sử văn hóa Đình Phú Nhuận	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°03'03"	106°12'46"					C-48-45-C-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm	10°01'31"	106°10'40"					C-48-45-C-d
kênh Phong Thới	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°03'21"	106°12'58"	10°04'26"	106°12'42"	C-48-45-C-d
kênh Rạch Đôn	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°03'35"	106°11'40"	10°05'56"	106°10'57"	C-48-45-C-d
kênh Sậy Đồn	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°04'48"	106°10'09"	10°01'27"	106°10'33"	C-48-45-C-d
rạch Cá Chuối	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°04'55"	106°13'09"	10°03'36"	106°13'36"	C-48-45-C-d
rạch Phú Tiên	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°02'09"	106°12'42"	10°03'04"	106°12'51"	C-48-45-C-d
sông Giồng Ké	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°03'35"	106°11'40"	10°03'36"	106°13'38"	C-48-45-C-d
sông Mây Tức	TV	xã Trung Ngãi	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'58"	10°00'39"	106°12'22"	C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°01'17"	106°11'50"					C-48-45-C-d
Ấp 4	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'03"	106°13'19"					C-48-45-C-d
Ấp 6	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'50"	106°13'00"					C-48-45-C-d
ấp Phú Ân	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'19"	106°13'29"					C-48-45-C-d
ấp Phú Khương	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°03'01"	106°13'15"					C-48-45-C-d
ấp Phú Tân	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'19"	106°12'31"					C-48-45-C-d
ấp Phú Tiên	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'23"	106°11'58"					C-48-45-C-d
ấp Trường Hội	DC	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°01'02"	106°12'24"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
cầu Mây Tức	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°00'44"	106°12'15"					C-48-45-C-d
cầu Nghĩa Trang	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°03'27"	106°13'20"					C-48-45-C-d
đình Mây Tức	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°00'46"	106°12'15"					C-48-45-C-d
Miếu Bà	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°01'47"	106°13'33"					C-48-45-C-d
thánh thất Cao đài Trung Nghĩa	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'31"	106°13'43"					C-48-45-C-d
tịnh xá Ngọc Đăng	KX	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm	10°02'34"	106°11'55"					C-48-45-C-d
Kênh Đào	TV	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°00'56"	106°12'42"	10°01'59"	106°13'19"	C-48-45-C-d
rạch Phú Tiên	TV	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°02'09"	106°12'42"	10°03'04"	106°12'51"	C-48-45-C-d
sông Càng Long	TV	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°00'57"	106°13'11"	10°02'35"	106°13'45"	C-48-45-C-d
sông Giồng Ké	TV	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°03'35"	106°11'40"	10°03'36"	106°13'38"	C-48-45-C-d
sông Mây Tức	TV	xã Trung Nghĩa	H. Vũng Liêm			10°01'30"	106°07'58"	10°00'39"	106°12'22"	C-48-45-C-d
ấp An Nhơn	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'58"	106°11'34"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Trung	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°03'56"	106°11'39"					C-48-45-C-d
ấp Phước Lộc	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°03'34"	106°10'24"					C-48-45-C-d
ấp Tân Xuân	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°03'37"	106°11'09"					C-48-45-C-d
ấp Trung Trạch	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'28"	106°11'34"					C-48-45-C-d
ấp Trung Xuân	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'58"	106°10'51"					C-48-45-C-d
ấp Xuân Lộc	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°02'25"	106°10'25"					C-48-45-C-d
ấp Xuân Minh 1	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'25"	106°11'06"					C-48-45-C-d
ấp Xuân Minh 2	DC	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°03'55"	106°11'04"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm			10°15'39"	105°56'30"	10°00'44"	106°12'15"	C-48-45-C-d
Đường huyện 62B	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm			10°04'18"	106°11'35"	10°05'01"	106°13'28"	C-48-45-C-d
Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°05'04"	106°11'21"					C-48-45-C-d
chùa Hạnh Phúc Tăng	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'37"	106°11'27"					C-48-45-C-d
chùa Phước Thọ	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'52"	106°11'20"					C-48-45-C-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°03'14"	106°10'24"					C-48-45-C-d
Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°05'04"	106°11'19"					C-48-45-C-d
Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°05'05"	106°11'03"					C-48-45-C-d
sân vận động huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'59"	106°11'17"					C-48-45-C-d
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'56"	106°11'21"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°04'06"	106°11'36"					C-48-45-C-d
Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Vũng Liêm	KX	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm	10°05'05"	106°11'15"					C-48-45-C-d
kênh Rạch Đôn	TV	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm			10°03'35"	106°11'40"	10°05'56"	106°10'57"	C-48-45-C-d
kênh Sậy Đồn	TV	xã Trung Thành	H. Vũng Liêm			10°04'48"	106°10'09"	10°01'27"	106°10'33"	C-48-45-C-d
ấp Đại Hòa	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'40"	106°13'31"					C-48-45-C-d
ấp Đại Nghĩa	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'22"	106°13'05"					C-48-45-C-d
ấp Đức Hòa	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'31"	106°12'51"					C-48-45-C-d
ấp Hòa Thuận	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'10"	106°13'16"					C-48-45-C-d
ấp Phú An	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'36"	106°12'19"					C-48-45-C-d
ấp Phú Nông	DC	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'20"	106°12'20"					C-48-45-C-d
Đường huyện 62B	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°04'18"	106°11'35"	10°05'01"	106°13'28"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 907	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			9°58'17"	105°57'01"	10°13'21"	106°04'00"	C-48-45-C-d
cầu Đại Hòa	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'56"	106°13'11"					C-48-45-C-d
cầu Đức Hòa	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'15"	106°13'09"					C-48-45-C-d
cầu Rạch Cấp	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'37"	106°13'42"					C-48-45-C-d
chùa Pháp Bửu	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'53"	106°12'34"					C-48-45-C-d
miếu Bà Phú An	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'52"	106°11'56"					C-48-45-C-d
nhà thờ Đức Hòa	KX	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°04'08"	106°12'58"					C-48-45-C-d
cống Nàng Âm	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm	10°05'07"	106°13'16"					C-48-45-C-d
kênh Phong Thới	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°03'21"	106°12'58"	10°04'26"	106°12'42"	C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ba Kè	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°04'16"	106°12'55"	10°04'59"	106°13'13"	C-48-45-C-d
rạch Cá Chuối	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°04'55"	106°13'09"	10°03'36"	106°13'36"	C-48-45-C-d
rạch Đại Hòa	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°04'25"	106°13'14"	10°03'52"	106°13'33"	C-48-45-C-d
Rạch Sâu	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°04'34"	106°13'50"	10°04'59"	106°13'22"	C-48-45-C-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°17'06"	105°55'28"	10°03'07"	106°17'19"	C-48-45-C-d
sông Đức Hòa	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°05'01"	106°12'21"	10°04'51"	106°13'05"	C-48-45-C-d
sông Nàng Âm	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°05'17"	106°11'54"	10°05'01"	106°13'38"	C-48-45-C-d
sông Vũng Liêm	TV	xã Trung Thành Đông	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-d
ấp An Hòa	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°07'09"	106°11'15"					C-48-45-C-d
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'39"	106°10'11"					C-48-45-C-d
ấp Hòa Nghĩa	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'27"	106°10'58"					C-48-45-C-d
ấp Quới Hiệp	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'34"	106°10'38"					C-48-45-C-d
ấp Tân Trung	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'18"	106°11'53"					C-48-45-C-d
ấp Trung Hậu	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'09"	106°12'06"					C-48-45-C-d
ấp Trường Thọ	DC	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'37"	106°11'04"					C-48-45-C-b
Đường huyện 65B	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°09'14"	106°09'46"	10°06'10"	106°10'56"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
Đường huyện 69	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°09'53"	106°06'58"	10°06'33"	106°10'34"	C-48-45-C-d
Đường tỉnh 902	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°15'15"	105°58'35"	10°05'04"	106°11'19"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d
Cầu Đình	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'16"	106°11'16"					C-48-45-C-d
chùa Phước Long	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'07"	106°10'56"					C-48-45-C-d
chùa Thánh tịnh Ngọc Thanh Quang	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'15"	106°10'43"					C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình thần Tích Khánh	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'13"	106°10'26"					C-48-45-C-d
đình Trung Hậu	KX	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm	10°06'17"	106°11'18"					C-48-45-C-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°17'06"	105°55'28"	10°03'07"	106°17'19"	C-48-45-C-d
sông Rạch Lá	TV	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°07'42"	106°10'25"	10°06'12"	106°11'19"	C-48-45-C-d
sông Rạch Sóc	TV	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°07'42"	106°10'25"	10°06'43"	106°09'41"	C-48-45-C-d
sông Vũng Liêm	TV	xã Trung Thành Tây	H. Vũng Liêm			10°06'21"	106°06'40"	10°06'00"	106°12'37"	C-48-45-C-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa